Tỉnh: Trà Vinh

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36 /2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m^2

TT	Tên đường phố	Đoạn đường		Loại đường phố	Giá đất năm 2012	Giá đất năm 2013	Ghi chú
		Từ	Đến				
1	**Thành phố Trà Vinh**						
	KHU VỰC ĐÔ THỊ						
1.1	Phạm Thái Bường	Hùng Vương	Độc Lập	1	23,400	23,400	
1.2	Điện Biên Phủ	Độc Lập	Phạm Hồng Thái	1	22,400	23,400	
1.3	Điện Biên Phủ	Phạm Hồng Thái	Trần Phú	1	18,900	19,800	
1.4	Điện Biên Phủ	Trần Phú	Cổng Chùa Phổ Minh	1	11,400	11,400	
1.5	Điện Biên Phủ	Cổng Chùa Phổ Minh	Nguyễn Đáng	1	9,500	9,500	
1.6	Độc Lập (bên trái)	Phạm Thái Bường	Bạch Đằng	1	21,000	21,000	
1.7	Độc Lập (bên phải)	Phạm Thái Bường	Võ Thị Sáu	1	21,000	21,000	
1.8	Độc Lập (bên phải)	Võ Thị Sáu	Bạch Đằng	1	20,300	20,300	

1.9	Hùng Vương	Lê Lợi	Cầu Long Bình	1	15,120	15,120	
1.10	Hùng Vương	Cầu Long Bình	Hết ranh phường 5	2	4,500	4,500	
1.11	Nguyễn Thị Út	Lý Thường Kiệt	Phạm Thái Bường	2	7,840	7,840	
1.12	Lý Thường Kiệt	Trần Quốc Tuấn	Hùng Vương	1	15,400	15,400	
1.13	Lý Thường Kiệt	Hùng Vương	Lý Tự Trọng	2	5,850	5,850	
1.14	Bạch Đằng	Hoàng Hoa Thám	Trần Phú	2	6,500	6,500	
1.15	Bạch Đằng	Trần Phú	Cầu Long Bình	1	8,000	8,000	
1.16	Bạch Đằng	Cầu Long Bình	Cầu Tiệm Tương	2	5,500	5,500	
1.17	Bạch Đằng	Cầu Tiệm Tương	Đường vào khu TĐC phường 4	2	3,000	3,000	
1.18	Bạch Đằng	Đường vào khu TĐC phường 4	Phạm Ngũ Lão	3	2,300	2,300	
1.19	Võ Thị Sáu	Độc Lập	Trần Phú	1	11,200	13,400	
1.20	Nguyễn Đình Chiểu	Độc Lập	Phạm Hồng Thái	1	11,900	11,900	
1.21	Lê Lợi	Trần Quốc Tuấn	Phạm Hồng Thái	2	4,900	4,900	
1.22	Lê Lợi	Phạm Hồng Thái	Đường 19/5	1	11,200	11,200	
1.23	Lê Lợi	Đường 19/5	Quang Trung	2	5,800	5,800	
1.24	Lê Lợi	Quang Trung	Ngã ba Mũi Tàu	2	3,900	3,900	

1.25	Đường K4-P1 (bên hông UBND phường 1)	Lê Lợi	Phạm Ngũ Lão	3	2,400	2,500	
1.26	Đường K4-P1 (bên hông trường Hoa Hồng)	Lê Lợi	Phạm Ngũ Lão	3	2,000	2,200	
1.27	Nguyễn An Ninh	Trần Quốc Tuấn	Lê Thánh Tôn	2	3,600	3,600	
1.28	Phan Đình Phùng	Nguyễn Đáng	Trần Phú	2	5,200	5,200	
1.29	Phan Đình Phùng	Trần Phú	Lê Thánh Tôn	2	5,700	5,700	
1.30	Nguyễn Thái Học	Trần Phú	Lê Thánh Tôn	2	4,200	4,200	
1.31	Nguyễn Thái Học	Lê Thánh Tôn	Quang Trung	2	3,900	3,900	
1.32	Phạm Ngũ Lão	Trần Phú	Quang Trung	2	4,700	4,700	
1.33	Phạm Ngũ Lão	Quang Trung	Ngã ba Mũi Tàu	2	3,800	4,200	
1.34	Phạm Ngũ Lão	Ngã ba Mũi Tàu	Ngã ba Đuôi Cá	2	3,100	3,100	
1.35	Phạm Ngũ Lão	Ngã ba Đuôi Cá	Đường Bạch Đằng (XN. KTTS)	3	2,100	2,100	
1.36	Phạm Ngũ Lão	Đường Bạch Đằng	Hết công ty XNK Lương thực	4	1,150	1,150	
1.37	Đường vào và các tuyến đường vào khu công nghiệp Long Đức	Phạm Ngũ Lão	Tỉnh lộ 915B	4	624	624	
1.38	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường 19/5	Nguyễn Đáng	2	5,700	5,700	

1.39	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Đáng	Hết ranh giới phường 7 (tuyến 1)	2	4,600	4,600	
1.40	Ngô Quyền	Lê Lợi	Quang Trung	3	2,300	2,300	
1.41	Hai Bà Trưng	Châu Văn Tiếp	Quang Trung	3	2,300	2,300	
1.42	Đồng Khởi	Trần Phú	Đường tránh QL53	2	3,000	3,000	
1.43	Đồng Khởi	Đường tránh QL53	Hết ranh phường 6	3	2,150	2,200	
1.44	Đồng Khởi	Hết ranh phường 6	Đường vào trạm y tế P9	4	1,160	1,200	
1.45	Đồng Khởi	Đường vào trạm y tế P9	Cống Tầm Phương	4	580	600	
1.46	Hoàng Hoa Thám	Đồng Khởi	Bạch Đằng (nối dài)	2	3,500	3,500	
1.47	Tô Thị Huỳnh	Đường 19/5	Quang Trung	2	3,160	3,160	
1.48	Kiên Thị Nhẫn	Trần Phú	Nguyễn Đáng	2	3,900	3,900	
1.49	Lò Hột	Hùng Vương (nối dài)	Hết Miếu bà khóm 1 phường 5	3	2,300	2,300	
1.50	Lò Hột	Miếu bà khóm 1 phường 5	Giáp ranh xã Hòa Thuận	3	1,240	1,240	
1.51	Kho Dầu	Hùng Vương	Đường tránh Quốc lộ 53	4	2,300	2,300	
1.52	Kho Dầu	Đường tránh Quốc lộ 53	Cống Thủy lợi (Điệp Thạch cũ)	4	940	940	
1.53	Kho Dầu	Cống TL (Điệp Thạch cũ)	Giáp ranh Châu Thành	4	400	400	
1.54	Nguyễn Đáng	Điện Biên Phủ	Nguyễn Thị Minh Khai	1	6,500	6,500	

1.55	Nguyễn Văn Trỗi	Điện Biên Phủ	Đồng Khởi	3	4,300	4,300	
1.56	Phạm Ngọc Thạch	Điện Biên Phủ	Đồng Khởi	3	2,880	3,000	
1.57	Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	Bạch Đằng	2	5,200	5,200	
1.58	Trần Quốc Tuấn	Nguyễn Thị Minh Khai	Bạch Đằng	2	5,300	5,300	
1.59	Phạm Hồng Thái	Bạch Đằng	Lê Lợi	2	6,360	6,360	
1.60	Phạm Hồng Thái	Lê Lợi	Nguyễn Thị Minh Khai	2	5,160	5,160	
1.61	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Lợi	2	4,400	4,400	
1.62	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Lợi	2	4,400	4,400	
1.63	Đường 19/5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Lợi	2	3,960	3,960	
1.64	Trưng Vương	Phạm Ngũ Lão	Tô Thị Huỳnh	2	2,640	2,640	
1.65	Nguyễn Trãi	Lê Lợi	Tô Thị Huỳnh	3	2,040	2,040	
1.66	Lý Tự Trọng	Bạch Đằng	Phạm Ngũ Lão	2	4,200	4,200	
1.67	Phan Chu Trinh	Lê Lợi	Phạm Ngũ Lão	3	3,240	3,240	
1.68	Quang Trung	Bạch Đằng	Phạm Ngũ Lão	2	3,600	3,600	
1.69	Trương Vĩnh Ký	Lê Lợi	Ngô Quyền	4	1,680	1,680	
1.70	Châu Văn Tiếp	Lê Lợi	Ngô Quyền	3	2,100	2,100	

1.71	Đường tránh Quốc Lộ 53	Điện Biên Phủ	Cầu Long Bình II	2	6,500	6,500	
1.72	Đường tránh Quốc Lộ 53	Cầu Long Bình II	Giáp ranh Hòa Thuận	2	3,600	4,300	
1.73	Đường Điện Biên Phủ nối dài (Quốc lộ 54)	Nguyễn Đáng	Phòng cháy chữa cháy	2	5,400	5,400	
1.74	Đường Điện Biên Phủ nối dài (Quốc lộ 54)	Phòng cháy chữa cháy	Hết Công ty Cấp nước	2	3,240	3,240	
1.75	Đường Điện Biên Phủ nối dài (Quốc lộ 54)	Công ty Cấp nước	Hết Chùa Mật Dồn	4	1,440	2,000	
1.76	Đường Điện Biên Phủ nối dài (Quốc lộ 54)	Chùa Mật Dồn	Cầu Tầm Phương	4	1,800	2,200	
1.77	Đường Sơn Thông	Nguyễn Đáng	Đường vào công an TPTV	4	1,920	1,920	
1.78	Đường Sơn Thông	Đường vào công an TPTV	Ngã tư Tân Ngại	4	1,650	1,650	
	Khu vực ven đô thị						
1.79	Quốc lộ 53 (bên phải)	Hết ranh giới phường 7 (tuyến 1)	Đường Vành Đai		2,400	3,000	
1.80	Quốc lộ 53 (bên trái)	Hết ranh giới phường 7 (tuyến 1)	Đường đôi vào Ao Bà Om		2,400	3,000	
1.81	Quốc lộ 53 (bên trái)	Đường đôi vào Ao Bà Om	Cầu Bến Có		1,200	1,200	
1.82	Quốc lộ 60	Cây xăng Huyền Trang	Giáp ranh H. Châu Thành		1,200	2,000	
1.83	Đường ra Đền Thờ Bác	Ngã ba đuôi cá	Cầu Sóc Ruộng		1,500	2,000	
1.84	Đường ra Đền Thờ Bác	Cầu Sóc Ruộng	Đền thờ Bác		1,000	1,500	

1.85	Đường ra Đền Thờ Bác	Đền thờ Bác	Ngã ba Long Đại		1,000	1,000	
1.86	Lộ Phú Hòa	Phạm Ngũ Lão	Đường Vành Đai		1,900	2,280	
1.87	Lộ Phú Hòa	Đường Vành Đai	Đến hết ranh phường 1		1,300	1,300	
1.88	Lộ Phú Hòa	Ranh phường 1	Cầu Cần Đốt		700	700	
1.89	Trần Văn Ẩn	Nhà bia ghi tên liệt sĩ	Bến đò Ba Trường		700	900	
1.90	Đường khóm 2, phường 1 (kể cả nhánh 1 và nhánh 2)	Phạm Ngũ Lão	Đường Vành Đai		816	816	
1.91	Đường khóm 2, phường 1 nối dài	Đường Vành Đai	Kênh phường 7, TPTV		816	816	
1.92	Hẻm vào chợ phường 2	Nguyễn Thị Minh Khai	Hết khu vực chợ Phường 2		2,640	2,640	
1.93	Đường Mậu Thân	Nguyễn Đáng	Hết khu tập thể CA tỉnh		1,320	1,320	
1.94	Đường Mậu Thân	Khu tập thể CA tỉnh	Lê Văn Tám		840	1,000	
1.95	Đường Nguyễn Du (vào Ao Bà Om)	Quốc lộ 53	Quốc lộ 60		1,000	1,000	
1.96	Lê Văn Tám	Quốc lộ 60	Quốc lộ 54		720	800	
1.97	Tỉnh lộ 915B	XN giày da cũ	Ngã ba Long Đại		600	650	
1.98	Tỉnh lộ 915B	Ngã ba Long Đại	Cầu Rạch Kinh		430	500	
1.99	Tỉnh lộ 915B	Cầu Rạch Kinh	Láng Thé		400	450	
1.100	Đường Tập thể Cục thuế	Phạm Ngũ Lão	Đường Vành Đai		2,000	2,000	

1.101	Đường vào chợ K3, P1	Lê Lợi	Rạch Tiệm Tương		2,500	2,500	
1.102	Đường nhánh Đ5	Kho Dầu	Đường Đ5		1,500	1,500	
	Đường mới trên địa bàn P8						
1,103	Tuyến 1	Nguyễn Thị Minh Khai	Quốc lộ 53		1,200	1,200	
1,104	Tuyến 2 (liên khóm 6,7,8)	Tuyến 7 (đường 1 chiều)	Đường Sơn Thông		1,200	1,200	
1,105	Tuyến 3	Lê Văn Tám	Phường 7 (Đường đôi Dự án GT)		800	800	
1,106	Tuyến 4	UBND xã Lương Hòa	Phường 7 (Đường đôi Dự án GT)		800	800	
1,107	Tuyến 5	Đường Lê Văn Tám (Tha La)	Phường 7 (Đường đôi Dự án GT)		800	800	
1,108	Tuyến 6	Đường Chùa Chồm Ca (Sơn Thông)	Cách QL 60:400m		800	800	
1,109	Tuyến 7 (đường 1 chiều)	Quốc lộ 53 qua QL 60	Cây xăng Huyền Trang đến giáp ranh Phường 7		2,400	3,000	
1,110	Đường mới trên địa bàn P9	Lê Văn Tám	Sơn Thông		600	600	
1,111	Đường đối diện Sở Nông Nghiệp	Phạm Ngũ Lão	Cầu Kinh Đại 2		780	850	
1,112	Đường xuống cầu Kinh Đại	Phạm Ngũ Lão	Cầu Kinh Đại 1		1,300	1,400	
1,113	Đường Vành Đai	Quốc lộ 53	Phạm Ngũ Lão		1,500	1,700	
1,114	Đường Kinh Lớn	Ngã Tư Trần Văn Ẩn	Láng Thé		550	550	

Tỉnh: Trà Vinh

1,115	Đường mới xã Long Đức	Ngã Tư Trần Văn Ẩn	Cầu Cần Đốt		500	550	
1,116	Đường bên hông trường Tiểu Học P8	Tuyến 7 (đường 1 chiều)	Đường Nguyễn Du		1,000	1,000	
	Đường mới trên địa bàn xã Long Đức						
1,117	Đường Sida	Cây xăng Phú Hòa	Đường mới Sa Bình			400	
1,118	Đường mới Sa Bình	Chợ Sóc Ruộng	Ngã ba Hòa Hữu			400	

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2012/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: 1000đồng/m²

TT	Tên đường phố	Đoạn đường		Loại đường phố	Giá đất năm 2012	Giá đất năm 2013	Ghi chú
		Từ	Đến				
8	**Huyện Càng Long**						
	Thị trấn Càng Long (Đô thị loại 5)						
8.1	Hai dãy phố chợ			1	3,500	3,500	
8.2	Đường 30/4	Quốc lộ 53	Bờ sông Càng Long	1	2,800	3,000	
8.3	Đường Phạm Thái Bường	Quốc lộ 53	Bờ sông Càng Long	1	2,500	2,500	
8.4	Đường Nguyễn Đáng	Quốc lộ 53	Bờ sông Càng Long	1	2,700	2,700	
8.5	Đường 2/9	Quốc lộ 53	Cầu 2/9	1	2,600	2,600	
8.6	Quốc lộ 53	Cầu Mây Tức	Hương lộ 31	1	2,200	2,200	
8.7	Quốc lộ 53	Hương lộ 31	Đường 19/5	1	2,400	2,400	
8.8	Quốc lộ 53	Đường 19/5	Bưu điện huyện	1	3,000	3,000	
8.9	Quốc lộ 53	Bưu điện huyện	Cầu Mỹ Huê	1	2,500	2,500	
8.10	Quốc lộ 53	Cầu Mỹ Huê	Đường đal (ấp 3A, xã An Trường)	2	1,500	1,600	

8.11	Quốc lộ 53 (áp dụng cả 03 xã An Trường, Nhị Long và Bình Phú)	Đường đal (ấp 3A, xã An Trường)	Cầu Cây Cách	3	1,000	1,100	
8.12	Hương lộ 2	Quốc lộ 53	Đường vào bệnh viện	1	2,000	2,200	
8.13	Hương lộ 2	Đường vào Bệnh viện	Cầu Suối	1	1,800	1,800	
8.14	Đường vào Bệnh viện	Hương lộ 2	Cổng bệnh viện	2	1,600	1,800	
8.15	Lộ giữa khóm 5	Đường 2/9	Cầu Mỹ Huê	2	800	900	
8.16	Đường 19/5	Đầu Quốc lộ 53	Giáp Mỹ Cẩm	1	900	900	
8.17	Hương lộ 31	Đầu Quốc lộ 53	Giáp Mỹ Cẩm	2	700	800	
8.18	Tuyến lộ liên khóm 3,4,6	Khóm 3	Khóm 6	2	600	700	
8.19	Đường đal (Ba Thuấn)	Đầu Quốc lộ 53	Cầu Công Si Heo	1	900	900	
8.20	Đường đal	Cầu Công Si Heo	Bến đò khóm 9	3	300	300	
8.21	Đường nội bộ khu nhà ở (Khóm 6)			1	1,000	1,100	
8.22	Đường đal	Quốc lộ 53 (trụ sở Liên đoàn Lao động huyện)	Lộ liên khóm 3,4,6	2	700	700	
8.23	Đường nội bộ khu nhà ở khóm 3			2	700	700	
8.24	Đường đal (Cặp Bưu điện)	Đầu Quốc lộ 53	Lộ liên khóm 3,4,6	2	600	600	
8.25	Đường 3/2	Đầu Quốc lộ 53	Lộ liên khóm 3,4,6	2	800	800	
8.26	Đường Đồng Khởi	Đầu Quốc lộ 53 (Nhà Thờ)	Giáp Mỹ Cẩm	2	800	800	
8.27	Đường đal (Chính Nở)	Đầu Quốc lộ 53	Lộ liên khóm 3,4,6	2	600	600	

		(Chín Nở)					
8.28	Đường đá	Đầu cầu 2/9 (khóm 8)	Bến đò cũ (khóm 9)	3	300	300	
8.29	Đường đá	Đầu cầu 2/9 (khóm 8)	Đường đal (Khóm 8)	3	300	300	
8.30	Hẻm Lương Thực	Đường 2 dãy phố chợ	Đường 2/9	1	2,500	2,500	
8.31	Đường số 5	Quốc lộ 53	Hẻm Lương thực	1	2,800	2,800	
8.32	Hương lộ 37	Ấp Long Thuận, Nhị Long	Ranh xã Nhị Long Phú	3	350	350	
	<u>Xã Huyền Hội</u>						
8.33	Đường nội bộ chợ xã					1,200	
8.34	Đường vào chợ	Tỉnh lộ 911	Sông Huyền Hội		1,000	1,200	
8.35	Tỉnh lộ 911	Ngã tư (Tỉnh lộ 911, đường vào chợ)	Giáp xã Tân An		350	400	
8.36	Tỉnh lộ 911	Ngã tư (Tỉnh lộ 911, đường vào chợ)	Cống Kênh Tây		700	700	
8.37	Tỉnh lộ 911	Cống Kênh Tây	Cầu Đập Sen		350	400	
8.38	Hương lộ 6	Cống Ba Xã	Kênh Khương Hòa		300	300	
8.39	Hương lộ 6	Kênh Khương Hòa	Cầu Ất Ếch		450	450	
8.40	Hương lộ 6	Cầu Ất Ếch	Ngã ba (Tỉnh lộ 911, Hương lộ 6)		1,000	1,100	
8.41	Hương lộ 6	Ngã tư (Tỉnh lộ 911, đường vào chợ)	Đường về Trà On		400	450	
8.42	Hương lộ 6	Đường về Trà On	Giồng Mới		250	250	
8.43	Hương lộ 7	Hương lộ 6	Cống Chín Tửng giáp		300	300	

			Phương Thạnh				
8.44	Lộ Trà On	Giáp Hương lộ 6	Trà On		150	180	
8.45	Các đường đal còn lại					180	
	Xã Nhị Long						
8.46	Đường vào chợ	Quốc lộ 60	UBND xã cũ (Đường về Rạch Mát)		1,200	1,200	
8.47	Quốc lộ 60	Cầu Dừa Đỏ	Cầu Đập Hàn 2		600	600	
8.48	Quốc lộ 60	Cầu Dừa Đỏ	Ranh xã Bình Phú		500	500	
8.49	Đường nhựa	UBND xã cũ (Đường về Rạch Mát)	Ngã 3 (Đường Rạch Đập)		400	400	
8.50	Đường đal	Ngã ba (Đường Rạch Đập)	Giáp Nhị Long Phú		150	180	
8.51	Hương lộ 37	Quốc lộ 53	Giáp Thị trấn Càng Long		350	350	
8.52	Khu vực chợ xã Nhị Long				1,100	1,100	
8.53	Đường đal	Từ UBND xã Nhị Long Phú	Giáp xã Nhị Long		150	180	
8.54	Các đường đal còn lại					180	
	Xã An Trường						
8.55	Đường vào chợ	Hương lộ 2	Sông An Trường		1,400	1,500	
8.56	Đường lộ giữa An Trường	Hương lộ 2 (ấp 3A)	Đường cầu dây giăng		400	400	
8.57	Đường lộ giữa An Trường	Cách đường vào Chợ 150m về ấp 8A	Cuối đường nhựa ấp 8A		400	400	
8.58	Đường cầu dây giăng	Hương lộ 2	Đường đal ấp 7			700	

8.59	Hương lộ 2	Từ Cầu Suối	Trường Tiểu học A, An Trường		500	500	
8.60	Hương lộ 2	Trường Tiểu học A, An Trường	Trường Trung học Cơ sở An Trường A		900	900	
8.61	Hương lộ 2	Trường Trung học Cơ sở An Trường A	Cầu Ván		500	600	
8.62	Đường nội bộ chợ An Trường				1,200	1,300	
8.63	Các đường đal còn lại					180	
	Xã Đức Mỹ						
8.64	Quốc lộ 60	cầu Đập Hàn 2	Ngã ba (Quốc lộ 60, Hương lộ 1)		600	600	
8.65	Đường vào TT xã Đức Mỹ	UBND xã (cũ)	Đường vào bến phà Cổ Chiên		650	650	
8.66	Quốc lộ 60	Ngã ba (Quốc lộ 60, Hương lộ 1)	Đường vào bến phà Cổ Chiên		800	800	
8.67	Khu vực bến phà Cổ chiên	Quốc lộ 60	Bến Phà		1,000	1,000	
8.68	Khu vực chợ	UBND xã (cũ)	Sông Rạch Bàng		800	900	
8.69	Đường 2 bên Cống Cái Hóp	Sông Rạch Bàng	Sông Cổ Chiên		500	600	
8.70	Đường đá	Ngã ba vào chợ	Ngã ba ấp Đại Đức		500	500	
8.71	Các đường đal còn lại					180	
	Xã Phương Thạnh						
8.72	Quốc lộ 53	Hương lộ 7 (đường vào UBND xã Phương Thạnh)	Bưu điện		2,100	2,300	
8.73	Quốc lộ 53	Bưu điện	Sông Ba Si		2,100	2,000	

8.74	Quốc lộ 53	Ngã ba Đường Hương lộ 7 (UBND xã Phương Thạnh)	Cầu Láng Thé		700	700	
8.75	Chợ Phương Thạnh 2 dãy phố chợ	Quốc lộ 53	Trường Tiểu Học A, Phương Thạnh		1,900	1,900	
8.76	Đường đất	Trường Tiểu học A Phương Thạnh	Hương lộ 7		500	500	
8.77	Hương lộ 7	Quốc lộ 53	UBND xã Phương Thạnh		700	700	
8.78	Hương lộ 7	UBND xã Phương Thạnh	Cống Chín Tửng giáp xã Huyền Hội		350	350	
8.79	Hương lộ 7 (Đường vào TT xã Đại Phước)	Quốc lộ 53	Ranh xã Đại Phúc		350	350	
8.80	Đường vào Đầu Giồng	Quốc lộ 53 (Bưu điện)	Máy chà (ba Nhựt)		300	300	
8.81	Các đường đal còn lại					180	
	<u>Xã Bình Phú</u>						
8.82	Quốc lộ 53	Đường vào Trường Cấp III	Hương lộ 6		1,600	1,600	
8.83	Quốc lộ 53	Hương lộ 6	Cầu Láng Thé		1,600	1,600	
8.84	Quốc lộ 53	Đường vào Trường Cấp III	Cầu Cây Cách		600	600	
8.85	Hương lộ 6	Quốc lộ 53	Cống 3 xã Huyền Hội		600	600	
8.86	Quốc lộ 60	Giáp Quốc lộ 53	Cống gần Huyện đội (Quốc lộ 60)		700	700	
8.87	Quốc lộ 60	Cống gần Huyện đội (Quốc lộ 60)	Giáp ranh xã Nhị Long		450	500	

8.88	Đường Phú Hưng 2 (Đường Bờ bao 8)	Quốc lộ 60 (Phú Hưng 1)	Quốc lộ 60 (Phú Phong 1)		200	200	
8.89	Các đường đal còn lại					180	
	Xã An Trường A						
8.90	Hương lộ 31	Cầu Loco	UBND xã (Ngã 3 Đường đal)		900	900	
8.91	Hương lộ 31	UBND xã (Ngã 3 Đường đal)	Ranh xã Tân Bình		250	280	
8.92	Khu vực chợ xã				800	800	
8.93	Các đường đal còn lại					180	
	Xã Đại Phước						
8.94	Hương lộ 1	Quốc lộ 60	Hương lộ 4		350	450	
8.95	Khu vực Chợ Bãi Xan				300	500	
8.96	Hương lộ 4	Quốc lộ 60	Ngã 3 Hương lộ 4		350	350	
8.97	Đường nhựa	Ngã 3 Hương lộ 4	UBND xã		300	300	
8.98	Đường Bờ bao 5	Hương lộ 4	Đường đal ấp Trung		200	200	
8.99	Các đường đal còn lại					180	
	Xã Tân An						
8,100	Tỉnh lộ 911	Ngã ba (Tỉnh lộ 911, Hương lộ 2)	Ranh Huyện Cầu Kè (Thạnh Phú)		500	500	
8,101	Tỉnh lộ 911	Ngã ba (Tỉnh lộ 911, Hương lộ 2)	cầu Tân An		2,800	2,900	
8,102	Tỉnh lộ 911	Cầu Tân An	Đường đal đi An Chánh		2,000	2,000	

8,103	Tỉnh lộ 911	Đường đal đi An Chánh	Xã Huyền Hội (ấp Kinh B)		400	400	
8,104	Hai dãy phố chợ	Tỉnh lộ 911	Sông Trà Ngoa		2,800	2,900	
8,105	Hương lộ 2	Cầu Sư Bích	Ngã ba (Tỉnh lộ 911, Hương lộ 2)		500	500	
8,106	Hương lộ 2	Tỉnh lộ 911	Ranh huyện Tiểu Cần (Hiếu Trung)		150	300	
8,107	Đường nội bộ chợ Tân An				1,700	1,800	
8,108	Các đường đal còn lại					180	
	Xã Tân Bình						
8,109	Hương lộ 2	Cầu Ván	Cầu Sư Bích		350	350	
8,110	Hương lộ 31	Ranh xã An Trường A	Ngã ba (Hương lộ 31 về Thạnh Phú)		200	250	
8,111	Hương lộ 31	Ngã ba (Hương lộ 31 về Thạnh Phú)	Hương lộ 2		250	250	
8,112	Các đường đal còn lại					180	
	Xã Mỹ Cẩm						
8,113	Hương lộ 31	Ranh Thị trấn Càng Long	Cầu Kinh Lá		500	500	
8,114	Hương lộ 31	Cầu Kinh Lá	Đường đal đi ấp số 2		300	300	
8,115	Hương lộ 31	Đường đal đi ấp số 2	Cầu Loco		200	250	
8,116	Các đường đal còn lại					180	
8,117	Lộ đá ấp số 6	Ranh thị trấn (Cầu Suối)	Hương lộ 31			250	
	Xã Nhị Long Phú						

8,118	Đường đal	Trụ sở ấp Hiệp Phú	Đường đal về Đức Mỹ		220	220	
8,119	Đường vào TT xã Nhị Long Phú	Ranh Thị trấn Càng Long	UBND xã Nhị Long Phú		300	350	
8,120	Các đường đal còn lại					180	
8,121	Đường nội bộ chợ xã					600	
	Xã Đại Phúc						
8,122	Hương lộ 7	UBND xã Đại Phúc	Ranh xã Phương Thạnh		250	300	
8,123	Hương lộ 7	UBND xã Đại Phúc	Cầu Rạch Cát		150	200	
8,124	Hương lộ 7	Quốc lộ 53	Cầu Rạch Cát		130	180	
8,125	Các đường đal còn lại					180	
8,126	Các đường bờ bao					180	

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2012/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường phố	Đoạn đường		Loại đường phố	Giá đất năm 2012	Giá đất năm 2013	Ghi chú
		Từ	Đến				
7	**Huyện Cầu Kè**						
-	**Thị trấn Cầu Kè (Đô thị loại 5)**						
7.1	Đường 30 /4	Cống Năm Minh	Chùa Tà Thiêu	1	1,200	1,800	
7.2	Đường 30 /4	Giáp Chùa Tà Thiêu	Giáp đầu Đường Lê Lai	1	4,000	4,000	
7.3	Đường 30 /4	Ngã Ba đường Lê Lai	Đầu đường Võ Thị Sáu	1	5,000	5,000	
7.4	Đường 30 /4	Cửa hàng Thành Hiếu	Cầu Bang Chang	1	4,000	4,000	
7.5	Đường 30 /4	Cầu Bang Chang	Giáp ranh xã Châu Điền	1	1,600	1,800	
7.6	Đường Nguyễn Hòa Luông	Quốc lộ 54	Sóc Kha (Nhà bà Ửên)Hi giáp ranh xã Hòa Ân	2	1,100	1,100	
7.7	Đường Nguyễn Văn Kế	Quốc lộ 54	Giáp ranh xã Hoà Ân	2	1,100	1,100	
7.8	Đường tránh Quốc lộ 54	Giáp đường 30/4 (khóm 1)	Cầu, đường tránh Quốc lộ 54	1	1,600	1,800	
7.9	Đường tránh Quốc lộ 54	Cầu, đường tránh Quốc lộ 54	Giáp đường 30/4 (khóm 8)	1	1,400	1,600	

7.10	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường 30/4 (Chùa Vạn Niên Phong Cung)	Đường tránh Quốc lộ 54	1	1,500	1,500	
7.11	Đường Lê Lai	Đường 30/4	Đường Lê lợi	1	1,400	1,400	
7.12	Đường Nguyễn Thị Út	Đầu đường 30/4 (dốc cầu Cầu Kè)	Cống lương thực cũ	1	2,000	2,000	
7.13	Đường Nguyễn Thị Út	Cống Lương thực cũ	Đường Nguyễn Hòa Luông	1	1,800	1,800	
7.14	Đường Lê Lợi	Cầu Cầu Kè	Chùa Phước Thiện	1	2,000	2,000	
7.15	Đường Lê Lợi	Chùa Phước Thiện	Đường Nguyễn Hòa Luông	2	800	800	
7.16	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Phú (dốc cầu Cầu Kè)	Dọc bờ sông Cầu Kè đến hàng rào Huyện uỷ mới	1	5,500	5,500	
7.17	Đường Lý Tự Trọng	Huyện uỷ mới	Giáp đường Võ Thị Sáu	1	2,000	2,000	
7.18	Đường Trần Phú	Kho Bạc	Giáp đầu cổng UBND huyện	1	5,500	5,500	
7.19	Đường Trần Phú	Đầu cổng UBND huyện	Công an huyện	1	2,500	2,500	
7.20	Đường Võ Thị Sáu	Vòng xoay ngân hàng	Bến đò	1	2,000	2,000	
7.21	Đường Trần Hưng Đạo	Vòng xoay ngân hàng	Giáp ranh xã Hoà Tân	1	2,500	2,600	
7.22	Đường Hai Bà Trưng	Đường 30/4	Giáp ranhấp Sóc Ruộng, xã Hòa Tân	3	800	800	
7.23		Trung tâm chợ huyện		1	5,500	5,500	
7.24	Đường vào Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện (đường mới)	Đầu đường 30/4	Đường Nguyễn Hòa Luông	1		1,000	
	Các dãy phố chợ xã						
7.25		Chợ Phong Thạnh			1,200	1,200	
7.26		Chợ Phong Phú			800	800	

7.27		Chợ Phố ấp 1 Phong Phú			800	800	
7.28		Chợ Bà My Tam Ngãi			500	500	
7.29		Chợ Cây Xanh Tam Ngãi			500	500	
7.30		Chợ Trà Kháo Hòa Ân			500	500	
7.31		Chợ Trà Ốt Thông Hòa			800	800	
7.32		Chợ Thạnh Phú			600	600	
7.33		Chợ Bến Đình An Phú Tân			420	420	
7.34		Chợ Đường Đức Ninh Thới			400	400	
7.35		Chợ Mỹ Văn Ninh Thới			1,000	1,000	
7.36		Chợ Bến Cát An Phú Tân			660	660	
	<u>Quốc lộ 54</u>						
7.37		Cống Năm Minh	Cua Chủ Xuân		700	900	
7.38		Cua Chủ Xuân	Đầu cầu Kênh 15		400	600	
7.39		Đầu cầu Kênh 15	Giáp huyện Trà Ôn		300	600	
7.40		Cua Châu Điền (giáp ranh TT Cầu Kè)	Đường vào chùa Ô Mịch		1,000	1,000	
7.41		Đường vào chùa Ô Mịch	Cầu Phong Phú		800	800	
7.42		Cầu Phong Phú	Cống Phong Phú		1,000	1,000	
7.43		Cống Phong Phú	Giáp Cầu Phong Thạnh		500	600	
7.44		Cầu Phong Thạnh	Giáp Bưu điện Phong Thạnh		1,200	1,200	

7.45		Bưu điện Phong Thạnh	Giáp Trường Tiểu học Phong Thạnh		550	600	
7.46		Trường Tiểu học Phong Thạnh	Ranh Hạt		500	550	
	Tỉnh lộ						
7.47	Tỉnh lộ 915	Giáp ranh huyện Trà Ôn	Giáp ranh huyện Tiểu Cần		250	400	
7.48	Tỉnh lộ 911	Ấp 1 Thạnh Phú	Cống 1		300	300	
7.49		Cống 1	Đài nước		250	250	
7.50		Đài nước	Cầu Thạnh Phú		400	400	
7.51		Cầu Thạnh Phú	Cây xăng 8 Nhơn		600	700	
7.52		Cây xăng 8 Nhơn	UBND xã Thạnh Phú		300	500	
7.53		UBND xã Thạnh Phú	Giáp xã Tân An		300	300	
7.54	Tỉnh lộ 906	Đầu cầu Trà Mẹt	Giáp ranh xã Hựu Thành			800	
	Hương lộ						
7.55	Hương lộ 50	Giáp thị trấn Cầu Kè	Trạm Điện nông thôn		600	800	
7.56	Hương lộ 50	Trạm Điện nông thôn	Ngã ba Trung tâm xã Hoà Tân		350	350	
7.57	Hương lộ 50	Ngã ba Trung tâm xã Hoà Tân	Cầu Chín Lùng		200	200	
7.58	Hương lộ 51	Cầu Kinh Xáng	Ao Sen chùa Khmer ấp Nhì		300	300	
7.59	Hương lộ 51	Ao Sen chùa Khmer ấp Nhì	Cống Tư Trạng		250	250	
7.60	Hương lộ 51	Cống Tư Trạng	Chợ Đường Đức		300	300	
7.61	Hương lộ 29	Cống Bến Lộ	Chùa Ấp Tư		250	250	

7.62	Hương lộ 29	Chùa Ấp Tư Phong Phú	Trường Tiểu học Phong Phú		300	300	
7.63	Hương lộ 29	Từ Trường Tiểu học Phong Phú	Tỉnh lộ 915		400	400	
7.64	Hương lộ 29	Tỉnh lộ 915	Sông Mỹ Văn		600	600	
7.65	Hương lộ 32	Cầu Bà My Quốc lộ 54	Chùa Khmer (Bến Cây Xanh)		250	250	
7.66	Hương lộ 32	Chùa Khmer (Bến Cây Xanh)	Nhà 3 Nhản		400	400	
7.67	Hương lộ 32	Nhà 3 Nhản	Trụ sở cũ UBND xã An Phú Tân (giáp đầu khu vực chợ An Phú Tân)		250	250	
7.68	Hương lộ 33	Cầu Kinh 15	Cầu Chợ Trà Ốt		300	300	
7.69	Hương lộ 33	Cầu Chợ Trà Ốt	Tỉnh lộ 911		300	300	
7.70	Hương lộ 34	Ấp 4 Phong Phú	Giáp Định Quới B Cầu Quan		250	300	
7.71	Hương lộ 8	Từ cầu Ô Rồm	Chùa Cao đài ấp 3 Phong Thạnh		200	200	
7.72	Hương lộ 8	Chùa Cao đài ấp 3 Phong Thạnh	Giáp Quốc lộ 54		250	250	
7.73	Đường Thôn Rơm Phong Thạnh	Quốc lộ 54	Nhà Lâm Rỡ (9 Sam)		1000	1,100	
7.74	Đường Thôn Rơm Phong Thạnh	Nhà Lâm Rỡ (9 Sam)	Cầu Đập ấp 1 Phong Thạnh		250	250	
7.75	Đường Liên xã Hoà Tân - Châu Điền - Phong Phú	Tỉnh lộ 915	Chùa Rùm Sóc		200	200	
7.76	Đường Liên xã Hoà Tân - Châu Điền - Phong Phú	Nhà Máy ông Bích	Hương lộ 51		200	200	
7.77	Đường Ô Tưng - Ô Rồm	Quốc lộ 54	Cầu Ô Rồm		250	250	

Tỉnh: Trà Vinh

7.78	Đường Ô Tưng - Ô Rồm	Cầu Ô Rồm	Chợ Trà Ốt		200	200	
7.79	Đường Ngọc Hồ-Giồng Nổi	Giáp Hương lộ 32	Hết đường nhựa (ấp Giồng Nổi)		200	200	
7.80	Đường Bến Đình	Ngã ba lộ Ngọc Hồ - Giồng Nổi	Tỉnh lộ 915		250	250	
7.81	Đường Bến Đình	Tỉnh lộ 915	Chợ Bến Đình		400	400	
7.82	Đường lộ T10	Giáp Hương lộ 32	Tỉnh lộ 915		200	300	
7.83	Đường vào trung tâm xã Hòa Ân	Giáp thị trấn Cầu Kè	Chùa Sâm Bua		300	300	
7.84	Đường vào trung tâm xã Hòa Ân	Chùa Sâm Bua	Cua Sáu Hưng		250	250	
7.85	Đường vào Trung tâm xã Hoà Tân	Ngã 3 Trung tâm xã Hoà Tân	Tỉnh lộ 915		200	200	
7.86	Đường vào Trung tâm xã Tam Ngãi	Giáp Hương lộ 32	Chợ Bà My		250	250	
7.87	Đường nhựa Ranh Hạt -Cây Gòn	Quốc lộ 54	Hết đường nhựa Cây Gòn		250	250	
7.88	Lộ tránh Cầu Trà Mẹt	Quốc lộ 54	Giáp Tỉnh lộ 906			800	
7.89	Đường vào Cụm Công nghiệp Vàm Bến Cát (xã An Phú Tân)	Giáp đường Tỉnh lộ 915	Doanh nghiệp Vạn Phước II			250	
7.90	Đường xuống Bến Phà ấp An Bình	Đường Tỉnh lộ 915	Bến phà			250	

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2012/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường phố	Đoạn đường		Loại đường phố	Giá đất năm 2012	Giá đất năm 2013	Ghi chú
		Từ	Đến				
3	**Huyện Cầu Ngang**						
-	**1. Thị trấn Cầu Ngang (Đô thị loại 5)**						
3.1	Quốc lộ 53	Đường Sơn Vọng	Đầu cầu Cầu Ngang	1	1,600	1,700	
3.2	Quốc lộ 53	Đầu cầu Cầu Ngang	Đường 2/9	1	2,200	2,300	
3.3	Quốc lộ 53	Đường 2/9	Giáp ranh Thuận Hoà	1	1,800	1,800	
3.4	Dãy phố chợ	Phía mặt trời mọc		1	3,200	3,200	
3.5	Dãy phố chợ	Phía mặt trời lặng		1	2,600	2,600	
3.6	Đường 30/4	Nguyễn Văn Hưng	Chi cục Thuế cũ	1	1,500	1,500	
3.7	Đường 2/9	Quốc lộ 53	Cầu Thuỷ Lợi	2	1,500	1,500	
3.8	Trương Văn Kỉnh	Đường 30/4	Bờ sông Chợ cá	1	1,500	1,500	
3.9	Đường Lương thực cũ	Quốc lộ 53	Bờ sông máy chà	1	1,500	1,500	
3.10	Đường Huyện đội cũ	Quốc lộ 53	Huyện đội cũ	2	1,400	1,400	
3.11	Nguyễn Văn Hưng	Đường 30/4	Đường 2/9	1	1,800	1,800	

3.12	Đường Nguyễn Trí Tài	Đường 2/9	Quốc lộ 53	2	1,500	1,500	
3.13	Đường 2/9	Quốc lộ 53	Sông Cầu ngang (Minh Thuận B)	3	700	800	
3.14	Quốc lộ 53	Kinh Thống Nhất	Đường Sơn Vọng	2	1,500	1,500	
3.15	Đường 2/9	Cầu Thuỷ Lợi	Giáp ranh xã Tân Hòa	2	1,200	1,200	
3.16	Đường Trần Thành Đại	Nhà Thờ	Đường Sơn Vọng	3	1,000	1,000	
3.17	Đường Hồ Văn Biện	Nhà Chín Truyền	Đường Trần Thành Đại	2	900	900	
3.18	Đường Huỳnh Văn Lộng	Đường 2/9	Giáp ranh xã Tân Hòa	2	1,100	1,100	
3.19	Đường Sơn Vọng	Giáp Mỹ Hoà	Đường bờ kinh	2	900	900	
3.20	Đường Dương Minh Cảnh	Cây Xăng	Cầu Thanh Niên Thống I	3	750	750	
3.21	Đường Dương Minh Cảnh	Cầu Thanh Niên Thống I	Bờ sông thị trấn Cầu Ngang	3	300	300	
3.22	Đường Thất Đạo	Bưu Điện huyện	Cầu Ấp Rạch	3	400	400	
3.23	Đường số 6	Đường đất giáp Quốc lộ 53	Kênh ấp III (Minh Thuận B)	3	400	400	
3.24	Đường số 7	Đường đất giáp Hương lộ 18	Đường Hùynh Văn Lộng	3	500	500	
3.25	Đường nội bộ khu dân cư	Đường Nguyễn Văn Hưng	Nhà Nguyễn Thị Thu Sương	2	1,400	1,400	
3.26	Đường nhựa	Đường 2/9	Đường 30/4	2	1,400	1,400	
3.27	Đường 30-4	Quốc lộ 53	Đường Nguyễn Văn Hưng	1	2,200	2,200	

3.28	Đường nhựa (khu vực nhà thuốc Minh Đức)	Quốc lộ 53	Giáp TT Thương mại	1	2,200	2,200	
3.29	Đường nhựa	Đình khóm Minh Thuận A	Nhà bà Năm Hảo	2	1,350	1,350	
3.30	Đường nhựa	Đường Nguyễn Văn Hưng	Đường đất	2	1,400	1,400	
3.31	Đường số 7	Đường Nguyễn Trí Tài	Đường Huỳnh Văn Lộng	3	800	800	
3.32	Đường đất (nhà bác sĩ Lan)	Hương lộ 18	Đường đal	3	650	650	
3.33	Đường Tránh Quốc lộ 53	Sông Cầu Ngang	Giáp ranh xã Thuận Hòa	3	1,000	1,000	
	2. Thị trấn Mỹ Long (Đô thị loại 5)						
3.34	Hai dãy phố chợ	Hương lộ 19	Giáp ranh khóm 3	1	1,800	1,900	
3.35	Hương lộ 19	Chợ Hải Sản	Đồn biên phòng 618	1	1,600	1,600	
3.36	Hương lộ 19	Giáp Mỹ Long Bắc	Trạm Y Tế	1	1,200	1,200	
3.37	Hương lộ 19	UBND thị trấn Mỹ Long	Đầu Chợ trên	1	1,800	1,800	
3.38	Hẻm (Khóm 3)	Nhà ông (Kim Hoàng Sơn)	Giáp ranh Khóm 4	2	900	900	
3.39	Hẻm (Khóm 4)	Giáp ranh Khóm 3	Tỉnh lộ 915B	3	700	700	
3.40	Tỉnh lộ 915B	Khóm 4	Đồn Biên phòng 618	2	900	900	
3.41	Hẻm	Hương lộ 19	Giáp ranh khóm 3	3	600	600	
3.42	Hẻm (đường đal)	Từ hẻm đầu chợ (nhà ông Yến)	Giáp ranh khóm 4	3	400	400	
3.43	Đường đất	Nhà ông Đoàn Văn Hiệp	Giáp ranh khóm 4	3	400	450	

3.44	Đường đất	Nhà ông Tiêu Văn Siện	Giáp ranh khóm 3	3	350	400	
3.45	Đường đal khóm 1	Chợ Hải Sản	Hết đường đal (Nhà ông Sáu Nguyễn)	3	350	400	
3.46	Đường đal khóm 4	Nhà Sáu Tâm	Nhà vợ Ba Khê	3	350	400	
3.47	Hẽm (đường đất khóm 4)	Nhà bà Kiều	Nhà ông Nguội	3	350	400	
	3. Xã Thuận Hòa						
3.48	Hương lộ 18	Giáp ranh TTầuC Ngang	Cầu ông Tà		900	900	
3.49	Quốc lộ 53	Giáp ranh TT Cầu Ngang	Cống Chùa (Sóc Chùa)		1,200	1,200	
3.50	Quốc lộ 53	Cống Chùa (Sóc Chùa)	Giáp xã Long Sơn		700	700	
3.51	Đường lộ Sóc Chùa	Cống Chùa (Sóc Chùa)	Giáp lộ Hiệp Hòa		300	300	
3.52	Đường lộ Trà Kim	Cống Trà Kim	Chùa		300	300	
3.53	Đường lộ Thuận An	Quốc lộ 53	Giáp ranh TT.ầuC Ngang		700	700	
3.54	Đường số 7	Nhà Ông Bảy Biến	Hương lộ 18		500	500	
3.55	Hương lộ 18	Cầu Ông Tà	Giáp ranh xã Hiệp Hòa		400	400	
3.56	Đường tránh Quốc lộ 53	Giáp ranh thị trấn Cầu Ngang	Quốc lộ 53		500	500	
	4. Xã Long Sơn						
3.57	Quốc lộ 53	Giáp xã Thuận Hoà	Đường tránh Quốc lộ 53		700	700	
3.58	Quốc lộ 53	Đường tránh Quốc lộ	Giáp xã Hiệp Mỹ Tây		500	600	

		53					
3.59	Hương lộ 21	Quốc lộ 53	Trạm Y Tế		450	550	
3.60	Hương lộ 21	Trạm Y Tế	Chùa Tân Lập		400	450	
3.61	Hương lộ 21	Chùa Tân Lập	Giáp ranh xã Tịnh Hòa Sơn		300	300	
3.62	Đường nội bộ khu vực chợ xã	Lô số 5	Lô số 21		450	450	
3.63	Đường nội bộ khu vực chợ xã	Giáp Hương lộ 21	Đường nội bộ phía Đông		450	450	
3.64	Đường nội bộ khu vực chợ xã	Trường mẫu giáo	Lô 31		350	350	
3.65	Đường nội bộ khu vực chợ xã	Nhà công vụ giáo viên	Lô 37		300	300	
3.66	Đường nhựa Bào Mốt	Ngã Tư Bào Mốt	Nhà bà Nguyễn Thị Chính		170	200	
3.67	Đường nhựa Ô Răng	Ngã Tư Ô Răng	Nhà bà Nguyễn Thị Chính		250	250	
3.68	Hương lộ 20	Quốc lộ 53	Nhà Kim Thị Tông		500	180	
3.69	Hương lộ 20	Nhà Kim Thị Tông	Giáp ranh xã Nhị Trường		300	180	
3.70	Đường tránh Quốc lộ 53	Đất bà Lý Kim Cương	Quốc lộ 53		600	600	
3.71	Đường nhựa (đối diện chợ Tân Lập)	Giáp Hương lộ 21	Nhà máy ông Hai Đại		250	300	
3.72	Đường nhựa (đối diện chợ Tân Lập)	Nhà máy ông Hai Đại	Giáp xã Ngọc Biên		230	250	
	5. Xã Hiệp Mỹ Tây						
3.73	Hai dãy phố chợ	Quốc lộ 53	Đường đất sau chợ		700	700	

3.74	Quốc lộ 53	Đường giồng ngánh	Cầu Hiệp Mỹ		650	650	
3.75	Quốc lộ 53	Cầu Hiệp Mỹ	Trường cấp III		600	600	
3.76	Quốc lộ 53	Trường cấp III	Giáp huyện Duyên Hải		550	550	
3.77	Quốc lộ 53	Giáp xã Long Sơn	Nhà ông Mười Niêm		600	600	
3.78	Quốc lộ 53	Nhà ông Mười Niêm	Đường Giồng Ngánh		630	650	
3.79	Đường nhựa (Đường vào TT xã Hiệp Mỹ Đông)	Quốc lộ 53	Bến đò về Hiệp Mỹ Đông		250	500	
3.80	Đường nhựa hóa chất	Quốc lộ 53	Hết đường nhựa		230	250	
3.81	Hương lộ 22 (đầu đường Mỹ Quý)	Quốc lộ 53	Giáp ranh xã Thạnh Hòa Sơn		300	300	
3.82	Đường đất Tầm Du Lá	Quốc lộ 53	Nhà Ông Lê Văn Năm		170	200	
3.83	Đường tránh Quốc lộ 53	Nhà trọ Bảy Hường	Ngã ba Mỹ Quí (trường TH)		400	400	
	6. Xã Mỹ Hoà						
3.84	Hai dãy phố chợ				770	770	
3.85	Quốc lộ 53	Ngã ba Mỹ Long	Giáp ranh Vinh Kim		1,200	1,200	
3.86	Hương lộ 19	Quốc lộ 53	Đường tránh Quốc lộ 53		700	700	
3.87	Hương lộ 19	Đường tránh Quốc lộ 53	Nhà máy nước đá Tân Thuận		500	500	
3.88	Hương lộ 19	Nhà máy nước đá Tân Thuận	Giáp ranh Mỹ Long Bắc		300	350	
3.89	Hương lộ 35	Trước cửa sân vận động	Nhà ông Nguyễn Văn Điểm		300	400	

3.90	Hương lộ 35	Nhà ông Nguyễn Văn Điểm	Giáp xã Hiệp Mỹ Đông		250	250	
3.91	Bờ kè sông Cầu Ngang - Mỹ Hòa	Nhà ông Nguyễn Văn Tro	Nhà ông Nguyễn Văn Rở		350	350	
3.92	Đường đất (Hòa Hưng - Cẩm Hương)	Hương lộ 19	Hương lộ 35		180	200	
3.93	Đường tránh Quốc lộ 53	Giáp ranh xã Vinh Kim	Sông Cầu Ngang		500	500	
	7. Xã Vinh Kim						
3.94	Hai dãy phố chợ	Trực diện nhà lòng			950	950	
3.95	Quốc lộ 53	Giáp ranh Mỹ Hoà	Đường đal (Giồng Sai) giáp ranh hộ Nguyễn Thị Kim Yến		700	700	
3.96	Quốc lộ 53	Đường đal (Giồng Sai) giáp ranh hộ Nguyễn Thị Kim Yến	Cầu Vinh Kim		900	900	
3.97	Quốc lộ 53	Đầu Cầu Vinh Kim	Giáp ranh xã Kim Hoà		600	600	
3.98	Khu vực chợ Mai Hương				300	300	
3.99	Hương lộ 19	Máy chà ông Lộc	Giáp ranh ấp Sóc Hoang (Mỹ Hòa)		300	350	
3.100	Đường đất Mai Hương	Hương lộ 19	Quốc lộ 53		250	250	
3.101	Đường đất	Quốc lộ 53	Chợ Mai Hương		250	250	
3.102	Đường đất (đường Giồng Lớn)	Chợ Thôn Rôn	Giáp ranh xã Mỹ Long Bắc (Bào Giá)		250	250	
3.103	Đường đất (Đi nhà thờ Giồng Lớn)	Quốc lộ 53	Nhà Thờ Giồng Lớn		250	250	

3.104	Đường tránh Quốc lộ 53	Nhà ông Đặng Văn Thành	Nhà bà Nguyễn Thị Kim Yến		700	700	
3.105	Đường tránh Quốc lộ 53	Nhà Trần Anh Thi	Giáp ranh xã Mỹ Hòa		500	500	
3.106	Tỉnh lộ 915B					200	
3.107	Đường Tránh bão	Quốc lộ 53	Tỉnh lộ 915B			200	
	8. Xã Kim Hoà						
3,108	Quốc Lộ 53	Giáp ranh xã Vinh Kim	Đường tránh Quốc lộ 53		600	600	
3,109	Quốc Lộ 53	Đường tránh Quốc lộ 53	Cầu Kim Hoà		700	700	
3,110	Dãy phố chợ	Quốc lộ 53	Đầu chợ dưới		500	500	
3,111	Hương lộ17	Quốc lộ 53	Cuối ấp Trà Cuôn		400	400	
3,112	Hương lộ17	Hết ranh ấp Trà Cuôn	Giáp ranh ấp Kim Hòa		350	350	
3,113	Hương lộ17	Giáp ranh ấp Kim Hòa	Giáp ranh xã Hiệp Hòa		400	400	
3,114	Đường tránh Quốc lộ 53	Quốc lộ 53	Giáp ranh xã Phước Hảo		600	600	
3,115	Đường đal Năng Nơn	Hương lộ 17	Nhà bà Trần Thị Quý			200	
3,116	Đường đal Chùa Ông	Chùa Ông	Kinh Xáng			200	
3,117	Đường bờ kinh Kim Hòa	Hương lộ 17	Giáp ranh xã Mỹ Hòa			200	
	9. Xã Mỹ Long Bắc						
3,118	Hương lộ 19	Ngã ba Tư Kiệt (Nhà ông Lọ)	Giáp ranh thị trấn Mỹ Long		800	900	
3,119	Hương lộ 5	Hương lộ 19	Tỉnh lộ 915B		450	450	

3,120	Tỉnh lộ 915B	Cống Lung Mít	Giáp ranh xã Vinh Kim		170	250	
3,121	Tỉnh lộ 915B	Cống Lung Mít	Giáp ranh thị trấn Mỹ Long		250	300	
3,122	Đường nhựa (Đi trường học cấp III)	Hương lộ 19	Đường nhựa giáp ranh ấp Nhì		250	250	
3,123	Hương lộ 23	Hương lộ 19	Giáp ranh xã Mỹ Long Nam		250	250	
3,124	Đường đất (đi Hạnh Mỹ)	Hương lộ 5	Nhà bà Trần Thị Gọn		170	300	
3,125	Đường đất (đi Hạnh Mỹ)	Nhà bà Trần Thị Gọn	Giáp ranh xã Vinh Kim		170	200	
3,126	Hương lộ 19	Giáp ranh xã Mỹ Hòa	Nhà máy chà Út Bé		300	350	
3,127	Hương lộ 19	Nhà máy chà Út Bé	Ngã ba Tư Kiệt (nhà ông Lọ)		400	400	
3,128	Tỉnh lộ 915B	Giáp thị trấn Mỹ Long	Giáp ấp Nhì - Mỹ Long Nam		400	400	
	10. Xã Nhị Trường						
3,129	Dãy phố chợ phía Bắc	Nhà Từ Thị Cúc	Nhà Phạm Minh Chánh		340	340	
3,130	Dãy phố chợ phía Đông	Nhà Trịnh Thị Ngọc Oanh	Nhà Trần Văn Dũng		340	340	
3,131	Dãy phố chợ phía Nam	Nhà anh Thắng	Nhà Thạch Dư		340	340	
3,132	Hương lộ 18 nối dài	Hương lộ 17	Giáp ranh xã Tân Hiệp (Trà Cú)		250	250	
3,133	Đường nhựa (Khu quy hoạch)	Hương lộ 20	Hết đường nhựa		250	250	
3,134	Đường nhựa	Hương lộ 20	Giáp ranh xã Hiệp Hòa		170	200	

3,135	Đường nhựa	Hương lộ 20	Giáp ấp Bào Mốt (xã Long Sơn)		170	200	
3,136	Hương lộ 20	Giáp ranh xã Long Sơn	Hương lộ 17		250	250	
3,137	Hương lộ 17	Giáp ranh Trường Thọ	Giáp ranh xã Hiệp Hòa		250	250	
3,138	Đường nhựa (NLB)	Hương lộ 20	Chùa Bốt Bi		170	200	
3,139	Đường nhựa (NLA)	Hương lộ 20	Hương lộ 18 nối dài		170	200	
3,140	Đường nhựa	Hương lộ 17	Giáp ấp Căn Nom (Trường Thọ)		170	200	
3,141	Đường nhựa liên ấp	Hương lộ 18	Hết đường nhựa			200	
	11. Xã Hiệp Hòa						
3,142	Hương lộ 17	Nhà Huệ Nga	Nhà Bảy Huệ		400	400	
3,143	Dãy phố chợ	Nhà ông Năm Nhựt	Nhà Kho Lương thực		400	400	
3,144	Khu vực chợ Bình Tân				370	370	
3,145	Hương lộ 18	Cống ông Tà	Hương Lộ 17		290	290	
3,146	Hương lộ 17	Nhà Bảy Huệ	Giáp ranh xã Nhị Trường		250	250	
3,147	Đường nhựa (đi ấp Phiêu)	Hương lộ 17	Hết đường nhựa		170	200	
3,148	Đường nhựa Ba So	Hương lộ 18	Hết đường nhựa		170	200	
3,149	Đường nhựa Tri Liêm	Hương lộ 17	Nhà bà Thạch Thị Pha Ly			200	
3,150	Đường nhựa Sóc Chuối	Hương lộ 17	Nhà bà Thị Kim Phương			200	

	12. Xã Trường Thọ						
3,151	Khu vực chợ Trường Thọ				290	300	
3,152	Hương lộ 17	Giáp ranh xã Nhị Trường	UBND xã Trường Thọ		250	250	
3,153	Hương lộ 17	Cầu Sóc Cụt	Cuối ấp Chông Văn		290	300	
3,154	Hương lộ 17	Cuối ấp Chông Văn	Giáp ranh xã Phước Hưng		200	250	
3,155	Đường nhựa Căn Nom	Nhà ông Lâm Sia	Nhà ôngạch Th Chane Đa		170	200	
3,156	Đường nhựa Căn Nom	Trường học Căn Nom	Hương lộ 17		170	200	
3,157	Đường nhựa Căn Nom	Hương lộ 17	Nhà ôngạch Th Chane Đa			200	
3,158	Đường nhựa Giồng Chanh	Cổng chùa Sóc Cụt	Nhà ông Phạm Văn Phụng		170	200	
3,159	Đường nhựa Cóc Xoài	Cổng chùa Cóc Xoài	Nhà ông Thạch Yêu		170	200	
	13. Xã Thạnh Hòa Sơn						
3,160	Khu vực chợ Thạnh Hoà Sơn				250	300	
3,161	Hương lộ 22	Giáp ranh xã Hiệp Mỹ Tây	Hương lộ 21		200	250	
3,162	Hương lộ 21	Giáp ranh xã Long Sơn	Giáp ranh xã Ngũ Lạc		200	250	
3,163	Đường nhựa Sóc Chuối	Hương lộ 21	Hết đường nhựa		170	200	
3,164	Đường nhựa Lạc Sơn	Đầu lộ Lạc Sơn	Sóc Chuối		170	200	
3,165	Đường nhựa đi Trường Bắn	Hương lộ 21	Hết đường nhựa		170	200	
3,166	Đường đal đi Hiệp Mỹ Tây	Hương lộ 21	Giáp ranh xã Hiệp		170	200	

			Mỹ Tây				
3,167	Đường lộ Lạc Sơn - Sóc Chuối	Lộ Lạc Sơn	Hết đường nhựa			200	
3,168	Đường nhựa Lạc Thạnh B	Hương lộ 21	Cầu Giồng Mum			200	
	14. Xã Mỹ Long Nam						
3,169	Khu vực chợ				400	400	
3,170	Hương Lộ 23	Cổng chào Mỹ Long Nam	Giáp ranh xã Long Hữu		300	300	
3,171	Đường nhựa ấp Nhì	Hương lộ 23	Hết đường nhựa		200	200	
3,172	Đường nhựa ấp Nhì	Nhà 4 Đảo	Hết đường nhựa			200	
3,173	Đường nhựa ấp Nhì	Nhà 7 Phấn	Hết đường nhựa			200	
3,174	Đường nhựa ấp Ba	Hương lộ 23	Giáp ranh xã ệpHi Mỹ Đông		200	200	
3,175	Đường nhựa ấp Ba	Cống Đồng Tây	Kinh Cầu Váng			200	
3,176	Đường nhựa ấp Ba	Hương lộ 23	Giáp ờB Giồng Ngang			200	
3,177	Đường nhựa ấp Ba	Hương lộ 23	Nhà ông Ngoan			200	
3,178	Đường nhựa ấp Tư	Hương lộ 23	Hết đường nhựa		200	200	
3,179	Đường nhựa ấp Tư	Hương lộ 23	Đê Biển			200	
3,180	Đường nhựa ấp Năm	Hương lộ 23	Giáp ranh xã ệpHi Mỹ Đông		200	200	
3,181	Đường nhựa ấp Nhứt B	Hương lộ 23	Đê Biển		200	200	
3,182	Đường nhựa ấp Nhứt B	Giáp ranh xã Mỹ Long Bắc	Cống Đồng Tây			200	
3,183	Đường nội ô Trung tâm xã	Hương lộ 23	Đường đal Hàng Đào			200	

Tỉnh: Trà Vinh

	15. Xã Hiệp Mỹ Đông						
3,184	Hương lộ 35	Giáp ranh xã Mỹ Hòa	Đường Ấp 3		300	300	
3,185	Hương lộ 35	Đường Ấp 3	Nhà Ông Ba Tiến		350	350	
3,186	Hương lộ 35	Nhà Ông Ba Tiến	Giáp ranh xã Hiệp Mỹ Tây		300	300	
3,187	Đường nhựa (giồng bờ yên)	Hương lộ 35	Hết đường nhựa		200	200	
3,188	Đường Nhựa (đi ấp Đồng cò)	Hương lộ 35	Giáp ranh xãỹ M Long Nam		200	200	
3,189	Đường nhựa (Đi cống ấp ba)	Hương lộ 35	Giáp ranh xãỹ M Long Nam		200	200	

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2012/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m^2

TT	Tên đường phố	Đoạn đường		Loại đường phố	Giá đất năm 2012	Giá đất năm 2013	Ghi chú
		Từ	Đến				
4	**Huyện Châu Thành**						
-	**TT. Châu Thành (Đô thị loại 5)**						
4.1	Đường Kiên Thị Nhẫn	Đường vào Chùa Sóc Nách	UBND thị trấn Châu Thành	3	450	450	
4.2	Đường Kiên Thị Nhẫn	Quốc lộ 54	Giáp Đường 30/4	3	450	450	
4.3	Quốc lộ 54	Cống Tầm Phương	UBND huyện	1	1,000	1,000	
4.4	Quốc lộ 54	UBND huyện	Sân vận động	1	1,200	1,200	
4.5	Quốc lộ 54	Sân vận động	Hết ranh thị trấn Châu Thành	1	1,000	1,000	
4.6	Đường 30/4	Giáp Bàu Sơn	Cống Đa Lộc	2	450	500	
4.7	Đường 30/4	Cống Đa Lộc	Quốc lộ 54	1	1,800	1,800	
4.8	Đường 30/4	Quốc lộ 54	Cống Thanh Trì	2	500	500	
4.9	Hẽm 3/2 đường vào Huyện uỷ	Quốc lộ 54	Giáp Đường 30/4	1	1,200	1,200	
4.10	Đường Đoàn Công Chánh	Quốc lộ 54	Đường Mậu Thân	2	650	650	

4.11	Đường Đoàn Công Chánh	Quốc lộ 54 (nhà máy Hai Chư)	Giáp đường Kiên Thị Nhẫn	3	500	500	
4.12	Đường Mậu Thân	Đường 30/4	Quốc lộ 54 cống Tầm Phương	2	700	700	
4.13	Đường Tô Thị Huỳnh	Quốc lộ 54	Đường Mậu Thân	2	700	700	
4.14	Các vị trí còn lại của thị trấn (Trong ngõ hẻm của thị trấn)			3	350	350	
4.15	Đường đi Chùa Mõ Neo	Đường Kiên Thị Nhẫn	Hết ranh thị trấn Châu Thành	3	400	400	
4.16	Đường tránh Quốc lộ 54	Cầu Tầm Phương 2	Quốc lộ 54	2		1,000	
4.17	Đường nhựa (nhà ông Sơn Cang)	Quốc lộ 54	Hết ranh thị trấn Châu Thành	3		400	
B	**Khu vực các xã**						
	Khu vực chợ (theo quy hoạch được duyệt hoặc các thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với chợ)						
4.18	Chợ Cầu Xây				800	800	
4.19	Chợ Mỹ Chánh				800	800	
4.20	Chợ Hoà Thuận				800	800	
4.21	Chợ Hoà Lợi				800	800	
4.22	Chợ Nguyệt Hóa				600	600	
4.23	Chợ Bãi Vàng				700	700	
4.24	Chợ Sâm Bua				850	850	
4.25	Các Chợ còn lại				500	500	

	Các tuyến Quốc lộ						
4.26	Quốc lộ 54	Ranh thị trấn Châu Thành	Giáp Trà Cú		700	700	
4.27	Quốc lộ 53	Cầu Ba Si	Giáp ranh Phường 8		1,200	1,200	
4.28	Quốc lộ 53	Từ ranh phường 5	Hết ranh Trường Chính Trị		2,800	2,800	
4.29	Quốc lộ 53	Hết ranh Trường Chính Trị	Giáp đường tránh Quốc lộ 53		1,500	1,500	
4.30	Quốc lộ 53	Đường tránh Quốc lộ 53	Trường cấp II Hoà Lợi		800	800	
4.31	Quốc lộ 53	Trường cấp II Hoà Lợi	Giáp ranh Cầu Ngang		600	600	
4.32	Quốc lộ 60	Ranh phường 8	Tỉnh lộ 911		800	800	
4.33	Quốc lộ 60	Tỉnh lộ 911	Giáp Tiểu Cần		600	600	
4.34	Đường tránh Quốc lộ 53	Giáp ranh TP Trà Vinh	Quốc lộ 53		2,500	2,500	
	Các tuyến Tỉnh lộ						
4.35	Tỉnh lộ 911	Tỉnh lộ 912	Quốc lộ 60		400	400	
4.36	Tỉnh lộ 911	Quốc lộ 60	Cầu Đập Sen		400	400	
4.37	Tỉnh lộ 912				450	500	
	Các tuyến Hương lộ						
4.38	Hương lộ 16	Ranh thị trấn Châu Thành	Giáp Quốc lộ 53 (Bàu Sơn)		500	500	
4.39	Hương lộ 16	Cống Thanh Trì	Giáp Hương lộ 13		300	300	
4.40	Hương lộ 14	Quốc lộ 53	Đê bao Hưng Mỹ		400	400	
4.41	Hương lộ 15	Quốc lộ 53	Sông Bãi Vàng		500	500	
	Các tuyến đường nội bộ xã						

	Xã Lương Hòa						
4.42	Lê Văn Tám (Hương lộ 11)	Quốc lộ 60	Cầu Ô Xây		720	800	
4.43	Nguyễn Du (Hương lộ 9 cũ)	Quốc lộ 53	Chợ Ba Se		1,000	1,000	
4.44	Nguyễn Du (Hương lộ 9 cũ)	Chợ Ba Se	Quốc lộ 60		330	330	
4.45	Đường Bình La-Bót Chếch	Hương lộ 11	Cầu Bót Chếch			250	
4.46	Đường nhựa	Quốc lộ 60	Bệnh viện Lao			600	
4.47	Đường nhựa	Ba Se A	Ô Chích A			250	
	Xã Lương Hòa A						
4.48	Hương lộ 13	Ranh thành phố Trà Vinh	Tỉnh lộ 911		500	500	
4.49	Hương lộ 13 nối dài	Tỉnh lộ 911	Giáp ranh Tiểu Cần		300	300	
4.50	Đường nhựa	Hương lộ 11	Tầm Phương 2			200	
4.51	Đường nhựa Tầm Phương 2	Kinh Xáng	Kinh Cập Giồng			200	
4.52	Đường nhựa Tầm Phương 5	Kinh Xáng	Hương lộ 13			200	
	Xã Nguyệt Hóa						
4.53	Đường từ Quốc lộ 53 đến ngã ba chợ Nguyệt Hoá				500	700	
4.54	Đường từ chợ Nguyệt Hoá đến giáp ranh thành phố Trà Vinh				500	700	
4.55	Đường từ chợ Nguyệt Hóa đến đường Trà Đét (giáp Quốc lộ 53)					400	

4.56	Đường Vành đai (ấp Xóm Trảng)				1,500	1,700	
	Xã Hòa Thuận						
4.57	Hương lộ 10	Quốc lộ 53	Vĩnh Bảo		700	700	
	Xã Hòa Lợi						
4.58	Đường nhựa	Cầu Hòa Thuận (tránh Quốc lộ 53)	Cầu dân tộc ấp Kinh Xáng			200	
	Xã Hưng Mỹ						
4.59	Đường đal	Hương lộ 15	Bến phà mới		560	560	
	Xã Song Lộc						
4.60	Hương lộ 9	Quốc lộ 60	Đường Tập Ngãi		300	300	
	Xã Đa Lộc						
4.61	Đường đi Chùa Mõ Neo	Ranh thị trấn Châu Thành	Hết phạm vi đường nhựa		300	300	
4.62	Đường nhựa ấp Thanh Trì	Trụ sở ấp Thanh Trì B	Hết phạm vi đường nhựa			300	
4.63	Đường nhựa ấp Thanh Trì A	Hương lộ 16	Đường đal ấp Thanh Trì A			200	
	Xã Mỹ Chánh						
4.64	Đường nhựa Phú Nhiêu	Quốc lộ 54	Đầu Bến Xuồng		200	250	
4.65	Đường Giồng Trôm-Phú Mỹ-Ô Dài	Quốc lộ 54	Ấp Ô Dài		200	250	
4.66	Các tuyến đường đal					200	
	Xã Hòa Minh						

Tỉnh: Trà Vinh

4.67	Hương lộ 30	Từ Bến phà	Vào Đảng uỷ xã Hoà Minh		600	600	
4.68	Hương lộ 30	Đầu Mồm	Trường THCS Hòa Minh B			300	
4.69	Hương lộ 30	Trường THCS Hòa Minh B	Giáp ranh ấp Ông Yển và Long Hưng I			500	
4.70	Hương lộ 30	Giáp ranh ấp Ông Yển và Long Hưng I	Cầu Sắt			300	
4.71	Hương lộ 30	Cầu Sắt	Cầu Cả Bảy			600	
4.72	Hương lộ 30	Cầu Cả Bảy	giáp ranh xã Long Hòa			300	
4.73	Đường đal Giồng Giá	Hương lộ 30	Bến Bạ			400	
4.74	Đường đal Giồng Giá	Hương lộ 30	Đường đal Giồng Giá			300	
4.75	Đường đal Giồng Giá	Trường THPT Hòa Minh	Trụ sở ấp Giồng Giá			300	
4.76	Đường đá phối Bà Tùng	Cầu Long Hưng I	Đường đal Giồng Giá			300	
4.77	Đường đal chợ Long Hưng	Hương lộ 30	Cầu Long Hưng			400	
	Xã Long Hòa						
4.78	Hương lộ 30				300	300	

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2012/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường phố	Đoạn đường		Loại đường phố	Giá đất năm 2012	Giá đất năm 2013	Ghi Chú
		Từ	Đến				
5	**Huyện Duyên Hải**						
-	**Thị trấn Duyên Hải (Đô thị loại 5)**						
5.1	Đường 19/5	Giao lộ 19/5 x Quốc lộ 53 (Nhà Võ Quốc Dũng và Mai Thanh Tiền)	Giáp đường Ngô Quyền	2	1,500	2,500	
5.2	Đường Lý Tự Trọng	Ngã ba giao thông	Nhà trẻ Thị trấn	2	1,200	1,800	
5.3	Đường 3/2	Nhà trẻ Thị trấn	Ngã ư ngân hàng (Đường 2/9x Đường 3/2)	2	1,200	2,000	
5.4	Đường 3/2	Ngã tư ngân hàng (Đường 2/9 x Đường 3/2)	Bến sông Long Toàn	1	4,000	4,000	
5.5	Các dãy phố chợ	Khu vực Chợ Duyên Hải	Khu vực Chợ Duyên Hải	1	4,000	4,000	
5.6	Đường Phạm Văn Nuôi	Ngã Ba 2/9 - Phạm Văn Nuôi	Bờ Kè Long Toàn	1	4,000	4,000	
5.7	Đường 1/5 (Bến Xuồng)	Ngã Ba 3/2 x 1/5	Ngã Ba 2/9 x 1/5	2	1,000	1,000	
5.8	Đường 2/9	Quốc lộ 53 mới	Ngã ư t Ṭh trấn (Đường 2/9x19/5)	2	2,500	3,000	

5.9	Đường 2/9	Ngã tư Thị trấn (Đường 2/9x19/5)	Ngã tư ngân hàng (Đường 2/9x Đường 3/2)	1	4,000	4,000	
5.10	Đường 2/9	Ngã tư ngân hàng (Đường 2/9 x Đường 3/2)	Kênh I (Hạt Kiểm lâm)	1	1,200	2,000	
5.11	Đường 30/4	Ngã ba 2/9 x 30/4	Ngã tư 30/4 x Điện Biên Phủ (VKS cũ)	1	2,500	2,500	
5.12	Đường 30/4	Ngã tư 30/4 x Điện Biên Phủ	Ngã ba 30/4 x Lý Tự Trọng (trường cấp 2)	3	1,000	1,000	
5.13	Đường Điện Biên Phủ	Ngã ba 3/2 x Điện Biên Phủ (Bưu điện)	Ngã ba Điện Biên Phủ x 19/5 (Út Ánh)	1	2,500	2,500	
5.14	Lý Thường Kiệt	Ngã ba 3/2 x Lý Thường Kiệt	Giáp đường 19/5	3	1,000	2,000	
5.15	Trần Hưng Đạo	Nhà Ông Út Trí (giáp 19/5)	Giáp Quốc lộ 53 (Nhà Tám Cao)	3	800	800	
5.16	Quốc lộ 53 mới (đường vào cầu Long Toàn)	Giao lộ 19/5 x Quốc lộ 53 (Nhà Võ Quốc Dũng và Mai Thanh Tiền)	Cầu Long Toàn	2	1,800	1,800	
5.17	Đường Ngô Quyền	Kênh I	Cây xăng (Bến Phà cũ)	1	2,100	2,100	
5.18	Đường Ngô Quyền	Cây xăng (Bến Phà cũ)	Cầu Đình	1		1,000	
5.19	Đường nội bộ khu nhà ở khóm 1	Đường 2/9	Đường Điện Biên Phủ	1	1,500	1,500	
5.20	Đường vào Khu dân cư ấp Bến Chuối	Điện lực Duyên Hải	Giao lộ 19/5 x Quốc lộ 53 (Nhà Võ Quốc Dũng và Mai Thanh Tiền)	2	900	900	

5.21	Đường Công an cũ	Ngã tư nhà trẻ	Giáp nhà ông Cần (Hết ranh giới hành chánh Thị trấn)	3	600	600	
5.22	Đường 3/2 nối dài	Nhà trẻ Thị trấn	Khóm 3 (giáp ấp Long Thạnh, xã Long Toàn)	3	700	1,200	
5.23	Đường 3/2 nối dài	Khóm 3 (giáp ấp Long Thạnh, xã Long Toàn)	Đường điện lực	3		1,000	
5.24	Đường nhà Sáu Khởi	Giáp đường 3/2 nối dài	Đường 19/5	3	600	600	
5.25	Quốc lộ 53	Giao lộ 19/5 x Quốc lộ 53 (Nhà Võ Quốc Dũng và Mai Thanh Tiền)	Hết khóm 4 (đường vào Ra Đa)	2	1,200	1,200	
5.26	Đường Võ Thị Sáu	Quốc lộ 53	Cơ quan huyện Đội củ	3	400	1,000	
5.27	Đường Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 53	UBND xã Long Toàn	3	700	700	
5.28	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường đal)	UBND xã Long Toàn	Sân bay đầu dưới	3	400	400	
5.29	Đường khóm 4 (qua nhà 7 Nghĩa)	Đường Võ Thị Sáu (đối diện trụ sở khóm 4)	Đường Trần Hưng Đạo (đối diện UBND xã Long Toàn)	3		1,000	
	TT Long Thành (Đô thị loại 5)						
5.30	Quốc lộ 53	Kênh đào Trà Vinh	UBND thị trấn Long Thành			1,000	
5.31	Quốc lộ 53	UBND thị trấn Long Thành	Giáp ấp Tân Thành (lộ Lò rèn, nhà ông Cảnh)			1,500	

5.32	Khu vực chợ Thị trấn	Hai dãy phố chợ				2,000	
5.33	Khu vực chợ cũ	Quốc lộ 53	Nhà Thờ			1,500	
5.34	Lộ liên khóm 5, 6	Nhà Thờ	Giáp ấp Vĩnh Khánh, xã Long Khánh			700	
5.35	Lộ Giồng Bào	Chợ Long Thành	Đường khu Tái định cư (cho hộ dân bị hỏa hoạn)			250	
5.36	Lộ liên khóm 3,5	Quốc lộ 53 (Núi đức mẹ)	Lộ Giồng Bào			250	
5.37	Lộ liên khóm 3,5	Nhà Thờ	Trường Mẫu giáo			250	
5.38	Lộ khóm 5	Nhà Thờ	Nhà ông ba Liềng			250	
5.39	Lộ khóm 6	Quốc lộ 53	Nhà bà Ken			250	
5.40	Hương lộ 24	Quốc lộ 53	Giáp xã Long Khánh			300	
5.41	Lộ khóm 3	Nhà bảy Ân	Nhà bà Vĩnh			250	
	Xã Long Toàn						
5.42	Quốc lộ 53	Giao lộ 19/5 x Quốc lộ 53 (Nhà Võ Quốc Dũng và Mai Thanh Tiền)	Cầu Long Toàn		1,800	1,800	
5.43	Quốc lộ 53	Cầu Long Toàn	Trường Tiểu học Long Toàn A		1,000	1,500	
5.44	Quốc lộ 53	Trường Tiểu học Long Toàn A	Giáp Kênh đào Trà Vinh		700	900	

5.45	Đường Điện Lực	Quốc lộ 53	Giáp đường 3/2 nối dài		600	1,000	
5.46	Đường Phước Bình	Quốc lộ 53	Giáp đường 3/2 nối dài		400	600	
5.47	Hương lộ 81	Ngã ba ấp Thống Nhất	Cầu Kênh Xáng (Giáp xã Dân Thành)		600	1,300	
5.48	Quốc lộ 53	Hết khóm 4 (đường vào Ra Đa)	Nghĩa trang liệt sĩ		700	700	
5.49	Đường dẫn Cầu Láng Chim	Quốc lộ 53	Cầu Láng Chim			800	
5.50	Tỉnh lộ 913	Đường dẫn Cầu Láng Chim	Cảng cá Láng Chim		700	700	
5.51	Đường Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 53	UBND xã Long Toàn		700	700	
5.52	Đường quanh khu nuôi tôm công nghiệp Long Thạnh	Nhà ông Cầm	Quanh khu nuôi tôm công nghiệp Long Thạnh		300	500	
5.53	Quốc lộ 53	Giáp Khóm 3- Thị trấn	Hết khóm 4 (đường vào Ra Đa)		1,300	1,200	
5.54	Đường vào Khu Xà Lan Long Toàn	Quốc lộ 53	Cầu Kênh Năm Là (hết lộ nhựa)		800	1,500	
5.55	Đường vào khu dân cư ấp Bến Chuối	Đường điện lực	Giao lộ 19/5 x Quốc lộ 53 (Nhà Võ Quốc Dũng và Mai Thanh Tiền)		900	900	
5.56	Lộ Giồng Giếng - Giồng Trôm	Cầu kênh Năm Là	Lộ đal ấp Giồng Giếng			800	
5.57	Lộ Giồng Giếng - Giồng Trôm	Lộ đal ấp Giồng Giếng	Lộ đal ấp Giồng Trôm			250	

5.58	Lộ đal ấp Giồng Trôm	Đầu sân bay	Mặt đập Giồng Trôm			250	
5.59	Lộ đal ấp Giồng Ổi	Mặt đập Giồng Trôm	Sông Giồng Ổi			250	
5.60	Lộ đal ấp Long Điền	Quốc lộ 53	Sông Miễu ông Tà			250	
5.61	Lộ đal ấp Giồng Giếng	Sân bay	Lộ đal ấp Long Điền			250	
5.62	Lộ đal ấp 30/4	Tỉnh lộ 913	Cầu Cá Ngát			250	
5.63	Lộ kênh 16	Hương lộ 81 (Cổng văn hóa Thống Nhất)	Kênh đào Trà Vinh			250	
	Xã Long Hữu						
5.64	Quốc lộ 53	Giáp ranh huyện Cầu Ngang	Cổng chào cũ (Nhà trọ Anh Thư)		550	700	
5.65	Quốc lộ 53	Cổng chào cũ (Nhà trọ Anh Thư)	Ngã ba vào Ngũ Lạc			800	
5.66	Quốc lộ 53	Ngã ba vào Ngũ Lạc	Cống Bến Giá		1,000	1,000	
5.67	Quốc lộ 53	Cống Bến Giá	Nghĩa trang liệt sĩ		700	700	
5.68	Các dãy phố chợ				2,000	2,000	
5.69	Tỉnh lộ 914	Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNN Long Hữu	Trụ sở ấp 11		500	500	
5.70	Tỉnh lộ 914	Trụ sở ấp 11	Giáp xã Hiệp Thạnh		300	300	
5.71	Tỉnh lộ 914	Quốc lộ 53	Trường Tiểu học Long Hữu B		400	400	

5.72	Tỉnh lộ 914	Trường Tiểu học Long Hữu B	Cống Hai Phải (giáp xã Ngũ Lạc)		300	300	
5.73	Đường ấp 16- Bào Cát	Tỉnh lộ 914	Bào Cát ấp 14		200	200	
5.74	Đường ấp 12-14	Quốc lộ 53	Giáp ấp Trà Khúp, xã Ngũ Lạc		220	220	
5.75	Đường ấp 17	Quốc lộ 53	Hang Sấu - ấp 17 (giáp tỉnh lộ 914)		350	350	
5.76	Quốc lộ 53	Nghĩa trang Liệt sĩ	Giáp ấp Phước An, xã Long Toàn		700	700	
5.77	Đường nhựa vào trường THPT xã Long Hữu	Quốc lộ 53	Nhà ông Năm Lĩnh			350	
5.78	Đường nhựa liên ấp 10-11	Trưởng tiểu học Long Hữu A	Tỉnh lộ 914			250	
5.79	Đường đal Bến Giá nhỏ	Cầu Bến giá Nhỏ	Đê Nông trường			250	
	Xã Ngũ Lạc						
5.80	Hai dãy phố chợ	Đầu Hương lộ 21	Giáp tỉnh lộ 914		1,400	1,400	
5.81	Tỉnh lộ 914	Nhà Tư Võ	Sân vận động		900	900	
5.82	Hương lộ 21	Đầu Hương lộ 21	Cầu Bà Ha		900	900	
5.83	Hương lộ 21	Cầu Bà Ha	Chùa Lớn		600	600	
5.84	Hai dãy Chợ cá	Đường Tỉnh lộ 914	Bến xuồng		1,400	1,400	
5.85	Tỉnh lộ 914	Sân vận động	Giáp ranh xã Đôn Châu (Trà Cú)		380	380	
5.86	Tỉnh lộ 914	Nhà Tư Võ	Cống Hai Phải (giáp xã Long Hữu)		300	300	
5.87	Đường Sóc Ruộng -Bồn Thanh	Hương lộ 21	Nhà ông Thạch Rane		200	200	

5.88	Đường Cây Da -Cây Xoài	Tỉnh lộ 914 (gần chợ Ngũ Lạc)	UBND xã củ		200	200	
5.89	Đường Cây Da -Cây Xoài	UBND xã củ	Hết đường nhựa		200	200	
5.90	Đường ấp Rọ Say - Trà Khúp	Hương lộ 21	Ấp 14, xã Long Hữu		220	220	
5.91	Hương lộ 21	Chùa Lớn	Thạnh Hòa Sơn (huyện Cầu Ngang)		300	300	
5.92	Đường ấp Sóc Ớt - ấp Đường Liếu	Rọ Say - Trà Khúp	Nhà ông Thạch Miêne			250	
	Xã Trường Long Hoà						
5.93	Tỉnh lộ 913	Phà Láng Chim	Trường Tiểu học A		250	400	
5.94	Tỉnh lộ 913	Trường Tiểu học A	Cầu Ba Động		500	700	
5.95	Tỉnh lộ 913	Cầu Ba Động	Trạm Quân dân Y kết hợp		250	400	
5.96	Đường lên đèn Hải Đăng	Ngã tư ra biển	Đèn Hải Đăng		250	250	
5.97	Tỉnh lộ 913	Trạm Quân dân Y kết hợp	Trường Tiểu học Cồn Trứng		800	800	
5.98	Tỉnh lộ 913	Trường Tiểu học Cồn Trứng	Giáp ranh xã Dân Thành		350	400	
5.99	Trung tâm Khu du lịch	Ngã ba ra biển	Bờ biển		800	800	
5.100	Đường ấp Khoán Tiều	Tỉnh lộ 913	Bến xuồng Khoán Tiều		200	250	
5.101	Đường ấp Cồn Trứng	Tỉnh lộ 913	Bến xuồng Cồn Trứng		200	250	
5.102	Đường ấp Ba Động	Cầu Rạch Lầu	Đình Ông		200	250	

5.103	Đường dẫn vào khu du lịch đường số 1, 3, 4, 5, 6 từ Tỉnh lộ ra bờ biển	Tỉnh lộ 913	Bờ biển		300	300	
5.104	Đường nội bộ khu du lịch (tuyến dọc khu du lịch)	Đường số 2	Đường số 3		300	300	
5.105	Đường nội bộ khu du lịch (tuyến dọc khu du lịch)	Đường số 5	Đường số 6		250	300	
5.106	Đường nhựa ấp Cồn Trứng - Cồn Tàu	Ngã ba đình Cồn Trứng	Cầu Cồn Tàu		200	300	
	Xã Long Khánh						
5,107	Quốc lộ 53	Ấp Tân Thành (lộ Lò rèn, nhà ông Cảnh)	Ấp Cái cỏ xã Long Vĩnh		600	600	
5,108	Đường ấp Tân Thành	Nhà ông Cả Bảy	Giáp ấp Cái Cỏ		600	250	
5,109	Lộ 3	Quốc lộ 53	Cầu Cái Đôi			250	
5,110	Đường vào UB xã	Quốc lộ 53	UBND xã Long Khánh			500	
	Xã Long Vĩnh						
5,111	Quốc lộ 53	Ngã baấp Cái Đôi (giáp xã Long Khánh)	Cống Xóm Chùa		600	600	
5,112	Quốc lộ 53	Cống Xóm Chùa	Ngã ba La Ghi (kể cả khu vực Chợ)		600	700	
5,113	Quốc lộ 53	Ngã ba La Ghi	Bến phà Tà Nị		400	400	
5,114	Đường mương Ông Tri	Quốc lộ 53	Đê quốc phòng La Ghi		150	250	
5,115	Đường đal Chùa Cái Cối	Quốc lộ 53 (Cống chùa Cái	Quốc lộ 53 (Nhà ông				

		Cối)	Ngô Lâm Hồng)			250	
5,116	Đường Trạm y tế	Quốc lộ 53 (UBND xã Long Vĩnh)	Trạm y tế			300	
5,117	Đường dự án 1A	Quốc lộ 53	Bến phà Tà Nị			250	
5,118	Đường đê Biển	Bến đò Giồng Bàn	Hồ Tàu - Đông Hải			250	
	Xã Dân Thành						
5,119	Tỉnh lộ 913	Giáp ranh xã Trường Long Hòa	Cây xăng Dân Thành			500	
5,120	Tỉnh lộ 913	Cây xăng Dân Thành	Bờ phía Bắc kênh đào Trà Vinh			1,000	
5,121	Tỉnh lộ 913	Bờ phía Nam kênh đào Trà Vinh	Cầu kênh II (ấp Cồn Cù)			500	
5,122	Tỉnh lộ 913	Cầu kênh II (ấp Cồn Cù)	Giáp ranh xã Đông Hải			400	
5,123	Đường ấp Cồn Ông	Tỉnh lộ 913	Ấp Cồn Ông		250	250	
5,124	Đường vào Khu Tái định cư Mù U	Tỉnh lộ 913	Đê Hải Thành Hòa		500	500	
5,125	Đường dẫn vào Trung tâm Điện lực Duyên Hải (Nhánh số 01 và 02)	Tỉnh lộ 913	Đường vào Khu Tái định cư Mù U		400	600	
5,126	Hương lộ 81	Cầu Kênh Xáng (Giáp xã Long Toàn)	Ngã ba ấp Giồng Giếng		600	700	
	Xã Đông Hải						
5,127	Tỉnh lộ 913	Giáp ấp Cồn Cù, xã Dân Thành	Nhà ông Luyến		200	300	
5,128	Tỉnh lộ 913	Nhà ông Luyến	Hương lộ 24		170		

						400	
5,129	Tỉnh lộ 913	Hương lộ 24	Cầu Đông Hải			500	
5,130	Đường nhựa Phước Thiện	Tỉnh lộ 913 (UBND xã)	Hết đường nhựa Phước Thiện		400	500	
5,131	Hương lộ 24	Tỉnh lộ 913	Giáp ranh xã Long Khánh		200	300	
5,132	Lộ đal ấp Động Cao	Nhà ông Luyến	Bến đò Tổ Hợp			250	
5,133	Lộ đal ấp Động Cao	Bến đò Tổ Hợp	Trụ sở ấp Động Cao			300	
5,134	Lộ đal ấp Động Cao	Trụ sở ấp Động Cao	Cầu Đông Hải			400	
5,135	Lộ đal ấp Động Cao	Tỉnh lộ 913	Giáp lộ nhựa-Miếu Bà			250	
5,136	Đường khu chợ cũ	Tỉnh lộ 913	Cầu sắt giáp đường nhựa Phước Thiện			400	
5,137	Hai dãy chợ mới	Khu vực chợ mới Đông Hải	Giáp hai đầu lộ nhựa chợ mới			500	
5,138	Đê Hải Thành Hòa	Đường đal trường tiểu học ấp Hồ Thùng	Bến đò Tổ hợp			250	
5,139	Đường ấp Phước Thiện	Cuối đường nhựa ấp Phước Thiện	Bến đò 8 Lên			250	
	Xã Hiệp Thạnh						
5,140	Tỉnh lộ 914	Cầu Sông Giăng	UBND xã		350	400	
5,141	Tỉnh lộ 914	UBND xã	Giáp đê biển		300	350	

Tỉnh: Trà Vinh

5,142	Đường khu vực chợ	Cầu Sông Giăng	UBND xã Hiệp Thạnh		350	400	
5,143	Lộ trước đầu chợ khu vực I				350	400	
5,144	Lộ trước đầu chợ khu vực II				300	350	
5,145	Đường ấp Chợ	Tỉnh lộ 914	Trạm Biên phòng		300	300	
5,146	Đường ấp Bào-Xóm Cũ	Tỉnh lộ 914	Đường đal Xóm Cũ		250	250	
5,147	Đường ra Bãi Nghêu	Ấp Chợ	Biển (HTX Thành Đạt)		250	250	
5,148	Tỉnh lộ 914	Giáp xã Long Hữu	Sông Giăng		300	300	
5,149	Đường nhựa ấp Bào	Nhà ông Thạnh	Nhà ông Lang		300	300	

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2012/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường phố	Đoạn đường		Loại đường phố	Giá đất năm 2012	Giá đất năm 2013	Ghi chú
		Từ	Đến				
6	**Huyện Tiểu Cần**						
-	**Thị trấn Tiểu Cần (Đô thị loại 5)**						
6.1	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã Năm	Cầu Sóc Tre	1	4,000	4,000	
6.2	Đường Hai Bà Trưng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Thị Sáu	1	4,000	4,000	
6.3	Đường 30/4	Ngã Năm	Đường Trần Hưng Đạo	1	4,500	4,500	
6.4	Hai dãy phố Chợ Tiểu Cần	Đường Trần Hưng Đạo	Chợ cá	1	4,000	4,000	
6.5	Đường Võ Thị Sáu	Đầu cầu Sóc Tre cũ	Đường Lê Văn Tám	3	1,800	1,800	
6.6	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Văn Tám	Hẻm lò đường cũ	3	1,200	1,200	
6.7	Đường Võ Thị Sáu (áp dụng cả Phú Cần)	Hẻm lò đường cũ	Giáp Quốc lộ 60	3	1,000	1,000	
6.8	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Lê Văn Tám	Đường Hai Bà Trưng	3			

					1,200	1,200	
6.9	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Hai Bà Trưng	Đường Võ Thị Sáu (Chợ Gà)	2	2,000	2,000	
6.10	Đường Lê Văn Tám	Ngã Năm - Bưu Điện	Võ Thị Sáu	3	2,000	2,000	
6.11	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hai Bà Trưng	1	3,000	3,000	
6.12	Đường Trần Phú	Ngã Ba Quốc lộ 60	Cống Tài Phú	1	3,000	3,000	
6.13	Đường Bà Liếp (Cung T. Nhi)	Quốc lộ 60	Cầu Bà Liếp	3	1,500	1,500	
6.14	Đường Sân Bóng	Quốc lộ 60	Kho lương thực	3	600	600	
6.15	03 tuyến đường ngang	Quốc lộ 60	Đường Võ Thị Sáu	3	600	700	
6.16	02 Hẽm đường Nguyễn Trãi	Chùa Cao Đài	Đến hết hẽm	3	400	400	
6.17	02 Hẽm đường Trần Phú	Đường Trần Phú	Cặp sông	3	400	400	
6.18	Hẽm đường 30/4	Đường 30/4	Đường Nguyễn Văn Trỗi	3	800	800	
6.19	Hẽm đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Huệ	Đường 30/4	3	500	500	
6.20	Hẽm đường 30/4 (chợ)	Đường 30/4	Đường Võ Thị Sáu	3	500	500	
6.21	Đường nhà 3 Đông (Kho bạc)	Đường 30/4 (nhà Dư Đạt)	Đường chợ gà (nhà bà Thiệt)	1	4,000	4,000	
6.22	Hẽm đường Lê Văn Tám	Trụ sở UBND Khóm 1	Hẽm đường 30/4	3	800	800	

6.23	Hẽm đường Lê Văn Tám	Đường Lê Văn Tám	Hết hẽm	3	400	400	
6.24	Hẽm đường Nguyễn Văn Trổi	Đường Nguyễn Văn Trổi	Hết hẽm	3	400	400	
6.25	Hẽm đường Võ Thị Sáu	Nhà bà Trang Thị Láng	Hết hẽm	3	400	400	
6.26	Hẽm đường Võ Thị Sáu	Nhà ông Ba Diệp	Hết hẽm	3	400	400	
6.27	Hẽm đường Võ Thị Sáu	Nhà ông La Đây	Hết hẽm	3	400	400	
6.28	Hẽm đường Võ Thị Sáu	Nhà ông Huỳnh Văn Nhan	Hết hẽm	3	400	400	
6.29	Đường tránh Q.Lộ 60	Nhà ông Tư Giác	Quốc lộ 60	3	1,200	1,500	
6.30	04 tuyến đường nhánh Quốc lộ 60			3	900	1,200	
6.31	Hẽm khu vực HC.UBND huyện	Nhà bà Lương	Hết hẽm	3	400	400	
6.32	Hẽm Điện nông thôn	Từ Quốc lộ 60	Xí nghiệp nước đá	3	500	500	
6.33	Đường đal Khóm 5	Từ Quốc lộ 54	Tỉnh lộ 912 và Cầu Bà Liếp	3	300	300	
6.34	Hẽm Bà Liếp	Nhà ông 9 Quang	Nhà bà 6 Cải	3	300	400	
6.35	Đường đal Khóm 3 (cặp Bệnh viện mới)	Quốc lộ 60 (nhà ông Truyền)	Hết tuyến	3	400	500	
6.36	Đường đal Khóm 3	Từ Quốc lộ 60 (cổng khóm văn hóa)	Sông Cần Chông	3	400	400	
6.37	Các tuyến đường đal còn lại trên địa bàn thị trấn Tiểu Cần			3	250	300	

	Thị trấn Cầu Quan						
6.38	Hẻm Trung tâm chợ	Nhà Ông 6 Lớn	Cuối hẻm	3	500	500	
6.39	Hẻm Trung tâm chợ	Nhà Bà 2 Ánh	Nhà Út Dậu	3	500	500	
6.40	Đường đal	Nhà 5 Tàu	Quốc lộ 60	3	400	500	
6.41	Đường đal	UBND thị trấn (cũ)	Nhà bà Ba Heo	3	400	500	
6.42	Đường đal	Nhà thờ Mặc Bắc	Giáp sân banh, giáp Định Phú A	3	400	400	
6.43	Đường đal	Đường Trần Phú	Cầu 7 Tiệm		1,000	1,000	
6.44	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba Nhà Thờ	Đầu đường 30/4 (Định Tấn)	3	3,000	3,000	
6.45	Đường Nguyễn Huệ	Đầu đường 30/4 (Định Tấn)	Trung tâm chợ Cầu Quan	3	3,500	3,500	
6.46	Đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 60)	Quốc lộ 60 (Giáp ranh xã Long Thới)	Bến Phà	3	3,000	3,000	
6.47	Đường Trần Phú (lộ Định Thuận)	Giáp đường Nguyễn Huệ	Cống khóm III	3	3,000	3,000	
6.48	Đường Trần Phú (lộ Định Thuận)	Cống khóm III	Giáp Quốc lộ 60 (nhà máy cá)	3	1,400	1,500	
6.49	Đường Hùng Vương	Ngã Tư Quới B	Cống Chín Chìa	3	2,000	2,000	
6.50	Đường Hùng Vương	Ngã Tư Quới B	Ngã tư Hùng Vương - Trần Phú	3	2,000	2,000	
6.51	Đường Hùng Vương	Ngã tư Hùng Vương - Trần Phú	Sông Cần Chông	3	1,400	1,500	

6.52	Đường cách mạng tháng 8 (Hương lộ 34) áp dụng cho cả địa phận xã Long Thới	Cống Chín chìa	Giáp xã Long Thới	3	600	700	
6.53	Đường Hai Bà Trưng (Tỉnh lộ 915)	Giáp Quốc lộ 60	Đường Sân bóng	3	1,500	1,500	
6.54	Đường Hai Bà Trưng (Tỉnh lộ 915)	Đường Sân bóng	Cầu Sắt	3	1,300	1,400	
6.55	Đường Hai Bà Trưng (Tỉnh lộ 915) áp dụng cho cả địa phận xã Long Thới	Cầu Sắt	Giáp xã Ninh Thới	3	1,200	1,200	
6.56	Đường Sân Bóng	Giáp Hai Bà Trưng	Đầu đường CM tháng 8	3	600	600	
6.57	Đường 30/4 (Định Tấn)	Giáp đường Nguyễn Huệ	Cống đập Cần Chông	3	1,200	1,200	
6.58	Trung tâm chợ Thuận An			3	2,500	2,700	
6.59	Đường đal (3 Chương)	Đầu đường Hai Bà Trưng	Sông Khém	3	500	500	
6.60	Đường đal (Tư Thế)	Đầu đường Hai Bà Trưng	Kênh Mặc Sầm	3	500	500	
6.61	Đường đal liên khóm 1,4,5	Đầu đường Hai Bà Trưng	Đường CMT8	3	400	400	
6.62	Đường đal	Đầu đường CMT8 (sau nhà tờ Ngọn)	Đường CMT8	3	400	400	
6.63	Lô Nhựa	Quốc lộ 60 (nhà Lâm Bền)	Kênh Định Thuận	3	1,800	1,800	
6.64	Trung tâm chợ Cầu Quan			3		2,700	
	Quốc lộ 60						

6.65		Lò Ngò (giáp xã Song Lộc)	Nhà bà 5 Nga		500	500	
6.66		Nhà bà 5 Nga	Cổng Chùa Liên Hải		600	600	
6.67		Cổng Chùa Liên Hải	Đài nước Ô Đùng		500	500	
6.68		Đài nước Ô Đùng	Cống Ô Đùng		550	550	
6.69		Cống Ô Đùng	Ngã ba Bến Cát		400	500	
6.70		Ngã ba Bến Cát	Đường đal Phú Thọ 2		500	700	
6.71		Đường đal Phú Thọ 2	Cầu Bà Lãnh		700	1,000	
6.72		Cầu Bà Lãnh	Cống Cây hẹ		600	900	
6.73		Cống Cây hẹ	Đường ngang số 1 (Karaoke Vĩnh Khang)		1,500	1,500	
6.74		Đường ngang số 1 (Karaoke Vĩnh Khang)	Giáp trường Cấp I Tiểu Cần		1,500	2,000	
6.75		Trường Cấp I Tiểu Cần	Cầu Tiểu Cần		4,000	4,000	
6.76		Cầu Tiểu Cần	Đường đal Xóm Vó xã Phú Cần		4,000	3,000	
6.77		Đường đal Xóm Vó xã Phú Cần	Đường đal Đại Mong (Cổng Văn hóa)		1,000	2,000	
6.78		Đường đal Đại Mong (Cổng Văn hóa)	Trạm Y tế Phú Cần		1,000	1,200	
6.79		Trạm Y tế Phú Cần	Cầu Cầu Tre				

					600	700	
6.80		Cầu Cầu Tre	Cống Trinh Phụ		400	500	
6.81		Cống Trinh Phụ	Giáp Ranh Thị trấn Cầu Quan		600	600	
	Quốc lộ 54						
6.82		Giáp ranh xã Phong Thạnh	Huyện đội		350	550	
6.83		Huyện đội	Ngã 4 Cầu Kè (Quốc lộ 60)		600	800	
6.84		Cống Tài Phú	Chùa Long Sơn		700	1,400	
6.85		Chùa Long Sơn	Ngã ba Rạch Lợp		600	800	
6.86		Ngã ba Rạch Lợp	Cầu Rạch Lợp		500	700	
6.87		Cầu Rạch Lợp	Cống nhà bia liệt sĩ Tân Hùng		500	600	
6.88		Nhà bia liệt sĩ xã Tân Hùng	Quốc lộ 54 mới		500	600	
6.89		Quốc lộ 54 mới	Cầu Te Te		450	600	
6.90		Cầu Te Te	Giáp ranh Trà Cú		400	500	
6.91	Quốc lộ 54 (đoạn mới)	Ngã tư Cầu Kè (Quốc lộ 60)	Sông Cần Chông		500	600	
6.92		Sông Cần Chông	Quốc lộ 54 cũ (Tân Hùng)		500	600	
	Tỉnh Lộ 912						

6.93		Giáp Quốc lộ 54	Cầu Đại Sư		500	600	
6.94		Cầu Đại Sư	Cống 9 Bình		500	500	
6.95		Cống 9 Bình	Cầu Lê văn Quới		700	700	
6.96		Cầu Lê Văn Quới	Đầu đường đal Tập Ngãi (cầu Nhà Thờ)		900	900	
6.97		Đầu đường đal Tập Ngãi (cầu Nhà Thờ)	Bưu điện Ngã Tư 1		700	700	
6.98		Bưu điện Ngã Tư 1	Cây xăng Quốc Duy (giáp Thanh Mỹ)		800	800	
6.99	Lộ Ngãi Trung đi Lò ngò	Cầu Ngãi Trung	Nhà ông Quyết (Cây Ổi)		300	300	
6.100		Nhà ông Quyết (Cây Ổi)	Cầu Hai Ngổ		400	400	
6.101		Cầu Hai Ngổ	Ranh ấp Lò Ngò		300	300	
6.102		Ranh ấp Lò Ngò	Quốc lộ 60		250	300	
	Xã Tập Ngãi						
6.103	Trung tâm chợ xã Tập Ngãi				900	900	
6.104	Trung tâm chợ Cây Ổi				500	400	
6.105	Lộ nhựa Ngãi trung	Tỉnh lộ 912	Nhà 5 Chánh			300	
	Xã Ngãi Hùng						

6.106	Chợ Ngãi Hùng cũ	Tỉnh lộ 912	Kênh		800	800	
6.107	Chợ Ngãi Hùng cũ	Nhà ông Cẩn	Kênh		-	500	
6.108	Trung tâm chợ Ngãi Hùng mới				600	700	
6.109	Đường vào TT xã Ngãi Hùng (Hương lộ38)	Cầu Ngã tư 1	Cầu sắt (Chánh Hội B)		300	400	
6.110	Đường vào TT xã Ngãi Hùng (Hương lộ38)	Cầu sắt (Chánh Hội B)	Kênh Út Đảnh		250	400	
6.111	Đường vào TT xã Ngãi Hùng (Hương lộ38)	Kênh Út Đảnh	Cầu Ngãi Hùng		600	700	
6.112	Hương lộ 2 - Hiếu Trung	Quốc lộ 60	Bưu điện xã Hiếu Trung		500	500	
6.113		Cầu vàm Bến Cát	Ranh ấp Tân trung Tân An		300	300	
6.114	Trung tâm chợ Hiếu Trung				800	800	
6.115	Đường đal Phú Thọ 2	Quốc lộ 60	Cầu Phú Thọ 2		200	200	
6.116	Đường đal Phú Thọ 1	Quốc lộ 60	Cầu Phú Thọ 1		200	200	
6.117	Hương lộ 26	Đầu đường (Giáp Quốc lộ 54)	Cầu Ba Điều		400	450	
6.118		Cầu Ba Điều	Cầu Kênh Trẹm		300	350	
6.119		Cầu Kênh Trẹm	Cầu Cao Một		300	400	
6.120		Bưu điện Tân Hòa	Kênh 6 Phó				

					300	500	
6.121		Kênh 6 Phó	Ngã ba đê bao Cần Chông		300	400	
6.122	Tỉnh lộ 915	Ngã ba đê bao Cần Chông	Giáp ranh Trà Cú		300	400	
6.123	Lộ xã Tân Hòa	Giáp mặt hàng	Ngã ba đê bao Cần Chông		400	400	
6.124	Trung tâm chợ xã Tân Hòa				860	900	
6.125	Đê bao sông Cần Chông	Cống Cần Chông	Giáp Tỉnh lộ 915		200	200	
6.126	Đường đal 2m cặp Sông Cần Chông	Cống Cần Chông	Bưu điện xã		170	200	
6.127	Hương lộ 13	Giáp Tỉnh Lộ 912	Giáp ranh Cầu Sây		400	400	
6.128	Đường Trung tâm cụm xã Sóc Cầu				250	300	
	Xã Hùng Hòa						
6.129	Đường vào TT xã Hùng Hòa	Quốc lộ 54	Sông Từ Ô		400	500	
6.130		TT Chợ Hùng Hòa			600	600	
6.131		Khu trung tâm chợ Sóc Cầu			400	400	
	Xã Tân Hùng						
6,132	TT chợ Rach Lợp-Tân Hùng	Nhà Cô Thiệt	Nhà 8 Trí		900	900	
6,133		Nhà ông Bào	Nhà ông Lực		900	900	

6,134		Nhà 7 Hưởng	Nhà 3 Phúc		700	700	
6,135		Nhà 3 Phúc	Nhà 5 Cao		500	500	
6,136		Cặp bờ sông khu vực chợ			500	500	
6,137		Khu vực xí nghiệp gỗ			500	500	
6,138	Lộ Hàng Còng	Quốc lộ 54	Hết đường (giai đoạn 1)		200	300	
6,139	Đường vào TT giống thủy sản	Hương lộ 26	Trung tâm giống		200	300	
6,140	Lộ tẻ	Quốc lộ 54 (BCHQS xã)	Đường vào XN gổ			700	
	Xã Hiếu Tử						
6,140		Khu Trung tâm chợ Hiếu Tử			900	900	
6,141		Khu TT chợ Lò Ngò (kể cả 04 thửa cặp Quốc lộ 60)			900	1,000	
6,142	Lộ Ô Trôm	Quốc lộ 60	Nhà máy ông Hải		200	250	
6,143	Lô nhựa ấp Chợ	Quốc lộ 60 - Nhà Lục Sắc	Cầu ấp Chợ		250	300	
6,144	Đường vào TT xã Huyền Hội	Quốc lộ 60	Giáp ranh xã Huyền Hội		250	300	
6,145	Lộ Ô Trao	Quốc lộ 60 (Cổng chào)	Chùa Ô Trao		250	300	
6,146	Lộ giữa ấp Kinh Xáng	Quốc lộ 60	Đường vào TT Huyền Hội (8Be)			300	

Tỉnh: Trà Vinh

	Xã Long Thới						
6,147	Đường Trinh phụ	Giáp Quốc lộ 60	Kinh nhà 5 Tòng		300	300	
6,148	Đường Đinh Phú A	Đường nhà thờ Mặc Bắc	Cống Thầy Thọ		250	250	
6,149	Đường Định Bình	Quốc lộ 60	Cầu Chà Vơ		300	300	
6,150	Đường đal Xóm Lá	Quốc lộ 60 Cầu Suối	Cầu bà Ba Heo		200	200	
6,151	Đường đal Định Hòa	Cầu Chà Vơ	Giáp An Cư, Tân Hòa		200	200	
6,152	Đường đal Định Hòa	Đình Định Hòa	Quốc lộ 60 (Cầu Tre)		200	200	
6,153	Lộ cặp kênh Cầu Suối	Cầu Suối (Quốc lộ 60)	Giáp ranh Phong Thạnh		200	200	
	Xã Phú Cần						
6,154	Đường bê tông 3,5m	Quốc lộ 54 (Ô Ét)	Nhà Thạch Sách			250	
6,155	Các tuyến đường đal khác thuộc các xã trong huyện				150	200	
6,156	Các tuyến đường đal khác thuộc 02 thị trấn				250	300	

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2012/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

TT	Tên đường phố	Đoạn đường		Loại đường phố	Giá đất năm 2012	Giá đất năm 2013	Ghi chú
		Từ	Đến				
2	**Huyện Trà Cú**						
	Thị trấn Trà Cú (Đô thị loại 5)						
2.1	Đường 3 tháng 2	Giáp ranh xã Ngãi Xuyên	Hết ranh Huyện Uỷ	2	1,100	1,100	
2.2	Đường 3 tháng 2	Xí nghiệp Thủy nông	Ngã ba Bảy Sào	1	1,500	1,500	
2.3	Đường 3 tháng 2	Ngã ba Bảy Sào	Hết ranh Huyện Đội Trà Cú	2	1,300	1,300	
2.4	Đường 3 tháng 2	Huyện Đội Trà Cú	Hết đường 3 tháng 2	3	1,100	1,400	
2.5	Đường Nguyễn Huệ			2	1,000	1,000	
2.6	Đường 2 tháng 9			2	1,000	1,000	
2.7	Đường 30 tháng 4			1	1,100	1,100	
2.8	Dãy phố phía Nam cặp nhà hát			2	1,000	1,000	
2.9	Đường Trần Hưng Đạo			2	1,100	1,100	
2.10	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa			2	1,100	1,100	
2.11	Đường Đồng Khởi			2	1,000	1,000	
2.12	Đường 19 tháng 5			1	2,500	2,500	

2.13	Đường Thống Nhất			1	4,500	4,500	
2.14	Đường Độc Lập			1	4,500	4,500	
2.15	Đường Mậu Thân			1	2,000	2,000	
2.16	Đường Hai Bà Trưng			2	1,200	1,200	
2.17	Đường Cách Mạng Tháng 8			2	900	900	
2.18	Đường Lô 2			1	1,550	1,550	
2.19	Quốc lộ 53 (đoạn đường tránh)	Giáp ranh xã Ngãi Xuyên	Giáp ranh xã Thanh Sơn	2	800	800	
2.20	Đường vào Bệnh viện đa khoa	Giáp đường 3/2	Hết lộ nhựa	2	700	700	
2.21	Đường vào Bệnh viện đa khoa	Hết lộ nhựa (lộ đất)	Hết ranh thị trấn	3		500	
2.22	Hương lộ 36	Ngã ba Bãy Sào	Giáp ấp Trà Cú A (Kim Sơn)	3	500	600	
2.23	Hương lộ 28	Giáp đường 3/2	Hết ranh thị trấn	2		600	
2.24	Đường nội thị (bến xe)	Giáp đường 3/2 về hướng Đông	Hết ranh thị trấn	2		600	
2.25	Các đường còn lại trong thị trấn			3	250	250	
2.26	Đường vào Trung tâm y tế dự phòng	Giáp đường 3/2	Hết ranh Trung tâm Y tế dự phòng	3		600	
	XÃ NGÃI XUYÊN						
2.27	Quốc lộ 53	Ngã ba Xoài Xiêm	Cầu Bưng Sen		900	900	
2.28	Quốc lộ 53	Cầu Bưng Sen	Cầu Ngọc Biên		500	500	
2.29	Hương lộ 28	Ngã ba Xoài Xiêm	Giáp ranh xã Lưu Nghiệp Anh		450	450	
2.30	Lộ nhựa Xoài Thum	Giáp Quốc lộ 53	Đi về hướng Tây		400	400	

			300m				
2.31	Lộ nhựa Xoài Xiêm	Giáp Quốc lộ 53	Đường tránh Quốc lộ 53		400	400	
2.32	Đường tránh Quốc lộ 53	Ngã ba giáp Cầu Bưng Sen	Giáp ranh thị trấn Trà Cú		800	800	
2.33	Lộ nhựa Xoài Xiêm	Giáp đường tránh Quốc lộ 53	Cầu Xoài Xiêm			400	
	XÃ ĐẠI AN						
2.34	Quốc lộ 53	Bưu điện Đại An	Ngã ba đi Đôn Xuân		1,250	1,250	
2.35	Quốc lộ 53	Bưu điện Đại An	Hết ranh chùa Giồng Lớn		900	900	
2.36	Quốc lộ 53	Ngã ba đi Đôn Xuân	Cổng chào (khóm 7)		1,000	1,000	
2.37	Quốc lộ 53	Ranh chùa Giồng Lớn	Giáp ranh xã Hàm Giang		500	500	
2.38	2 dãy phố mặt tiền chợ				1,500	1,500	
2.39	Tỉnh lộ 914	Ngã ba đi Đôn Xuân	Hết ranh Trường Tiểu Học Đại An B		700	700	
2.40	Tỉnh lộ 914	Trường Tiểu Học Đại An B	Giáp ranh xã Đôn Xuân		500	500	
2.41	Đường nhựa đi về Mé Rạch B	Quốc lộ 53	Hết ranh chùa Ông Bảo		800	800	
2.42	Tỉnh lộ 915	Quốc lộ 53	Giáp ranh xã Định An		700	700	
2.43	Lộ đất vào ấp Giồng Đình	Quốc lộ 53	Lộ đal đi thị trấn Định An		600	600	
2.44	Đường đal vào ấp Xà Lôn	Quốc lộ 53	Giáp ranh xã Đôn Xuân		400	400	

2.45	Lộ nhựa ấp Giồng Lớn	Giáp Quốc lộ 53	Hết lộ nhựa			400	
	XÃ ĐÔN XUÂN						
2.46	2 dãy phố mặt tiền chợ mới				1,200	1,200	
2.47	2 dãy phố trước UBND xã đến bến đò đi Bào sấu				1,000	1,000	
2.48	Dãy nhà mặt tiền chợ cũ				1,200	1,200	
2.49	Tỉnh lộ 914	Cửa hàng xăng dầu	Hết ranh đất Chùa phật ấp Cây Da		900	900	
2.50	Tỉnh lộ 914	Chùa phật ấp Cây Da	Hương lộ 25		750	750	
2.51	Tỉnh lộ 914	Thất Cao Đài	Cửa hàng xăng dầu		700	700	
2.52	Tỉnh lộ 914	Thất Cao Đài	Giáp ranh xã Đại An		450	500	
2.53	Tỉnh lộ 914	Ngã ba Hương lộ 25	Giáp ranh xã Đôn Châu		450	500	
2.54	Hương lộ 25	Giáp Tỉnh lộ 914	Lộ đất vào ấp Tà Rom		400	500	
2.55	Lộ nhựa Bà Giam	Ngã tư Ba Sát	Giáp ranh xã Hàm Giang			300	
2.56	Các đường nhựa còn lại thuộc xã Đôn Xuân					200	
	XÃ ĐÔN CHÂU						
2.57	2 dãy mặt tiền chợ				800	800	
2.58	Tỉnh lộ 914	Cống La Bang	Chợ		700	700	
2.59	Tỉnh lộ 914	Chợ	Cổng trường cấp III		550	550	
2.60	Tỉnh lộ 914	Cổng Trường cấp III	Giáp ranh xã Đôn Xuân			400	

2.61	Tỉnh lộ 914	Cống La Bang	Hết ranh Trường THCS Đôn Châu		550	550	
2.62	Từ cống La Bang dọc theo kinh 3/2 về hướng Bắc 500m và hướng Nam 500m				550	550	
2.63	Tỉnh lộ 914	Ranh Trường THCS Đôn Châu	Giáp ranh xã Ngũ Lạc, Duyên Hải			300	
2.64	Các lộ nhựa còn lại thuộc xã Đôn Châu					200	
	THỊ TRẤN ĐỊNH AN						
2.65	Lộ nhựa	Cầu Cá lóc	Hết ranh Nhà Bia	1	1,500	1,500	
	Phía Đông						
2.66	Lô 1: dọc Kinh sáng	Cầu Cá Lóc	Nhà ông 7 Luyến (ngã tư)	1	2,500	2,500	
2.67	Lô 2; 3: nằm sau lô 1			2	800	800	
2.68	Lộ nhựa	Nhà ông 7 Luyến (ngã tư)	Kinh đào Quan Chánh Bố	2	800	800	
	Phía Tây						
2.69	Lô 1: dọc Kinh sáng	Đường đal	Kinh đào Quan Chánh Bố	2	1,500	1,500	
2.70	Lô 2;3: nằm sau lô 1			3	500	500	
2.71	Lộ đal	Cầu Cá Lóc	Trường học	2	800	800	
2.72	Lộ đal	Trường học	Giáp ranh xã Định An	3	500	500	
2.73	02 dãy phố Chợ cũ			2	1,000	1,100	
2.74	Dãy phố sau nhà văn hóa			2	1,000	1,000	

2.75	Lộ nhựa	Ranh Nhà Bia	Cây xăng (khóm 5)	2	1,200	1,200	
2.76	Lộ nhựa	Cây xăng (khóm 5)	Giáp Quốc lộ 53	2	850	850	
2.77	Đường đal vào khu tái định cư Bến Cá	Lộ nhựa	Kinh đào Quan Chánh Bố	1	1,800	1,800	
2.78	Các đường đal còn lại trong khu tái định cư			2	1,000	1,000	
2.79	Các đường đal còn lại thuộc thị trấn Định An			2	1,000	1,000	
2.80	Đường đal khóm 7	Nhà ông Tự (Ngã 5 Mé Láng)	Sông Khoen	2		900	
2.81	Quốc lộ 53	Giáp ranh xã Đại An	Kênh đào Quan Chánh Bố	2		1,500	
2.82	Đường đal khóm 3	Nhà ông 3 Chương (sau nhà Văn hóa)	Giáp ranh xã Đại An	2		1,000	
	XÃ LONG HIỆP						
2.83	2 dãy phố mặt tiền chợ				1,000	1,000	
2.84	Hương lộ 25	Cầu Ba So	Cây xăng Triệu Thành		750	750	
2.85	Hương lộ 25	Cây xăng Triệu Thành	Giáp ranh xã Ngọc Biên		500	550	
2.86	Các lộ nhựa còn lại thuộc xã Long Hiệp				500	500	
	XÃ PHƯỚC HƯNG						
2.87	Quốc lộ 54	UBND xã	Cầu Phước Hưng		1,100	1,100	
2.88	Quốc lộ 54	Cầu Phước Hưng	Sân vận động		1,000	1,000	
2.89	Các dãy phố chợ mới				1,500	1,500	

2.90	Các dãy phố chợ cũ				1,000	1,000	
2.91	Quốc lộ 54	Sân vận động	Hương lộ 25		800	800	
2.92	Quốc lộ 54	UBND xã	Kênh 6 (Hòn Non)		900	900	
2.93	Quốc lộ 54	Kênh 6 (Hòn Non)	Giáp ranh xã Tập Sơn			700	
2.94	Quốc lộ 54	Ngã ba Đầu Giồng	Giáp huyện Châu Thành		900	900	
2.95	Hương lộ 17	Giáp Quốc lộ 54	Giáp ranh xã Trường Thọ, huyện Cầu Ngang		650	650	
2.96	Hương lộ 25	Giáp Quốc lộ 54	Giáp ranh xã Tân Hiệp		550	550	
2.97	Phía Đông kinh 3 tháng 2	Giáp Quốc lộ 54	Kênh số 2		700	700	
2.98	Phía Đông kinh 3 tháng 2	Kênh số 2	Giáp ranh xã Ngãi Hùng			400	
2.99	Phía Tây kinh 3 tháng 2	Giáp Quốc lộ 54	Về hướng Bắc, Nam đến kinh I		700	700	
2.100	Phía Đông kinh 3 tháng 2	Giáp Quốc lộ 54	Về hướng Nam đến kinh I		700	700	
2.101	Đường đal	Chùa Ô Rung	Giáp ranh ấp Trà Mềm, xã Tập Sơn			300	
	XÃ TẬP SƠN						
2,102	Dãy phố mặt tiền chợ				1,250	1,250	
2,103	2 dãy phố cặp kênh Chợ: từ đầu cầu về phía Bắc, Nam 500 m				750	750	
2,104	Dãy phố phía Đông cặp kênh Chợ	Từ mét 501 trở đi	Cầu ấp Ô			300	
2,105	Quốc lộ 54	Ngân hàng	Ngã ba vào ấp Bến		1,250	1,250	

			Trị				
2,106	Quốc lộ 53	Ngã ba Tập Sơn	Bến cống Tập Sơn		1,250	1,250	
2,107	Quốc lộ 53	Bến cống Tập Sơn	Cầu Ngọc Biên		500	600	
2,108	Quốc lộ 54	Ngã ba vào ấp Bến Trị	Chùa Tháp		400	500	
2,109	Quốc lộ 54	Ngân hàng	Đường vào Sân vận động (Tháp Sơn Nghiêm)			550	
2,110	Quốc lộ 54	Đường vào Sân vận động (Tháp Sơn Nghiêm)	Giáp ranh xã Phước Hưng			400	
	XÃ AN QUẢNG HỮU						
2,111	2 dãy phố mặt tiền chợ	Hương lộ 27	Kinh		1,100	1,100	
2,112	Tỉnh lộ 915	Giáp ranh xã Lưu Nghiệp Anh	Giáp ranh huyện Tiểu Cần		400	400	
2,113	Hương lộ 27	UBND xã	Ngã ba về Xoài Lơ		800	800	
2,114	Hương lộ 27	UBND xã	Hết ranh Trường Tiểu Học A		800	800	
2,115	Hương lộ 27	Ranh Trường Tiểu Học A	Giáp ranh Tân Sơn			500	
2,116	Hương lộ 28	Giáp Hương lộ 27	Giáp ranh xã Lưu Nghiệp Anh			400	
2,117	Đường đal hướng đông chợ	Nhà lồng chợ	Về hướng Đông 900m		700	700	
2,118	Hương lộ 27	Ngã ba về Xoài Lơ	Giáp Sông Hậu		400	400	

	XÃ LƯU NGHIỆP ANH						
2,119	2 dãy phố mặt tiền chợ				1,000	1,000	
2,120	2 dãy phố	Giáp Hương lộ 28	Hết ranh Trường cấp I		700	700	
2,121	Hương lộ 28	UBND xã Lưu Ngiệp An	Đường xuống Chùa phật		600	600	
2,122	Hương lộ 28	Đường xuống Chùa phật	Cầu Mù U		600	600	
2,123	Hương lộ 28	Cầu Mù U	Giáp ranh xã Ngãi Xuyên		600	800	
2,124	Lộ nhựa	Ngã ba Xoài Lơ	Giáp Sông Hậu		400	400	
2,125	Chợ Xoài Lơ				500	500	
2,126	Hương lộ 28	UBND xã Lưu Ngiệp Anh	Hướng Tây 1.500m		600	600	
2,127	Hương lộ 28	Từ mét 1501	Giáp ranh ấp Xoài Lơ			300	
2,128	Hương lộ 28	Ngã ba Xoài Lơ	Giáp ranh xã An Quảng Hữu			300	
2,129	Các đường nhựa còn lại thuộc xã Lưu Nghiệp Anh					300	
	XÃ HÀM GIANG						
2,130	Hai dãy mặt tiền chợ mới				800	800	
2,131	Quốc lộ 53	Ngã ba Trà Tro	Chợ		800	800	
2,132	Dãy phố chợ cũ				800	800	
2,133	Hương lộ 12	Giáp Quốc lộ 53	Đi về hướng Tây giáp Hàm Tân		600	600	
2,134	Hương lộ 12	Giáp Quốc lộ 53	Đi về hướng Đông hết ranh		500	500	

			Trường Tiểu Học A Hàm Giang				
2,135	Hương lộ 12	Ranh Trường Tiểu Học A	Giáp ranh xã Ngọc Biên			400	
2,136	Quốc lộ 53	Chợ	Giáp ranh xã Đại An		600	700	
2,137	Quốc lộ 53	Ngã ba Trà Tro	Giáp ranh xã Thanh Sơn		500	500	
2,138	Đường nhựa đi UBND xã Hàm Giang	Giáp Quốc lộ 53	Cầu Cà Tốc		500	500	
2,139	Đường nhựa đi UBND xã Hàm Giang	Cầu Cà Tốc	Giáp ranh xã Đôn Xuân		450	450	
2,140	Lộ nhựa ấp Nhuệ Tứ A	Đầu lộ Nhuệ Tứ A	Giáp ranh chùa Bà Giam			300	
	XÃ TÂN SƠN						
2,141	Quốc lộ 54	Ngã ba Leng	Giáp ranh xã Tập Sơn		600	600	
2,142	Quốc lộ 54	Ngã ba Leng	về hướng Bắc 1000 m		600	600	
2,143	Quốc lộ 54	Từ mét thứ 1001	Giáp huyện Tiểu Cần			400	
2,144	Hương lộ 27	Giáp Quốc lộ 54	Cống Leng		850	850	
2,145	Hai bên Chợ Leng					650	
2,146	Các đường nhựa còn lại thuộc xã Tân Sơn					200	
	XÃ THANH SƠN						
2,147	Quốc lộ 53	Hết đường 3 tháng 2	Chùa Kosla		900	900	
2,148	Quốc lộ 53	Chùa Kosla	Giáp ranh xã Hàm Giang		450	500	

2,149	Hương lộ 36	Cầu Ba Tục	Hết ranh chùa Tân Long		450	600	
2,150	Hương lộ 36	Ranh chùa Tân Long	Giáp ranh xã Long Hiệp			550	
2,151	Hương lộ 36	Chùa Sóc Chà	Cầu Ba Tục		500	500	
2,152	Hương lộ 36	Cầu Sóc Chà	Chùa Sóc Chà		450	450	
2,153	Đường tránh Quốc lộ 53	Giáp ranh thị trấn Trà Cú	Ngã ba Chùa Kosla		800	800	
	XÃ KIM SƠN						
2,154	Hương lộ 36	Giáp đường 3/2	Hết ranh Chùa Trà Cú A		600	600	
2,155	Hương lộ 36	Phía Đông,Tây UBND xã	Cách UBND xã 1000 m		500	500	
2,156	Quốc lộ 53	Ngã ba Bảy Sào	Hết ranh Huyện Đội Trà Cú		700	1,300	
2,157	Quốc lộ 53	Huyện Đội Trà Cú	Giáp ranh xã Thanh Sơn		700	1,400	
2,158	Tỉnh lộ 915	Giáp ranh xã Hàm Tân	Giáp ranh xữu L Nghiệp Anh			500	
2,159	Hương lộ 36 (các đoạn còn lại trên địa xã Kim Sơn)					400	
	XÃ HÀM TÂN						
2,160	Quốc lộ 53 (đoạn đường tránh)	Giáp Cây Xăng Tấn Thành	Giáp Công ty Hàm Giang		500	800	
2,161	Quốc lộ 53	Công ty Hàm Giang	Giáp ranh xã Đại An			700	
2,162	Hương lộ 12	Giáp ranh xã Hàm Giang	Hết ranh ấp Vàm Ray		500	600	
2,163	Hương lộ 12	Ranh ấp Vàm Ray	Giáp Sông Hậu			500	

	XÃ NGỌC BIÊN						
2,164	Hương lộ 12	Giáp Hương lộ 25	Cầu Ngọc Biên		500	500	
2,165	Hương lộ 12	Cầu Ngọc Biên	Hết ranh ấp Sà Vần A		500	500	
2,166	Hương lộ 12	Giáp Hương lộ 25	Về hướng Tây 1000m		500	500	
2,167	Hương lộ 12	UBND xã	Về hướng Đông 1200m		500	500	
2,168	Hương lộ 12	UBND xã	Về hướng Tây 500m		500	500	
2,169	Hương lộ 25	Ngã ba ấp Ba Cụm	Về hướng Nam và Bắc 1000m		500	500	
2,170	Hương Lộ 12	Ranh ấp Sà Vần A	Hết ranh ấp Giồng Cao			300	
2,171	Hương lộ 12	Chùa Tha La	Giáp ranh xã Long Sơn, Cầu Ngang			300	
2,172	Hương lộ 12	Giáp Hương lộ 25	Giáp ranh xã Hàm Giang			400	
2,173	Tha La-Giồng Chanh (Lộ nhựa)	Hương Lộ 12	Hết ranh xã Ngọc Biên			200	
	XÃ TÂN HIỆP						
2,174	Hương lộ 18	Ngã tư Long Trường	Về hướng Đông 1200m		200	200	
2,175	Hương lộ 18	Ngã tư Long Trường	Đến UBND xã		200	250	
2,176	Hương lộ 18	UBND xã	Chùa Con Lọp		150	200	
2,177	Hương lộ 18	Chùa Con Lọp	Giáp ranh xã Ngãi Xuyên			200	
2,178	Hương lộ 25	Ngã tư Long Trường	Về hướng Bắc, Nam 1000m		150	200	

2,179	Hương lộ 25	Ngã tư Sóc Ruộng	Về hướng Bắc, Nam 1000m			200	
	XÃ ĐỊNH AN						
2,180	Đường vào trung tâm xã Định An	Giáp xã Đại An	Trường Mẫu Giáo		250	250	
2,181	Đường vào trung tâm xã Định An	Trường Mẫu Giáo	Ngã tư Giồng Giữa			400	
2,182	Đường vào trung tâm xã Định An	Ngã tư Giồng Giữa	Về hướng Tây đến Trụ sở ấp Giồng Giữa			200	
2,183	Đường vào trung tâm xã Định An	Trụ sở ấp Giồng Giữa	Tỉnh lộ 915			200	
2,184	Tỉnh lộ 915	Đường nhựa	Về hướng Nam, Bắc 1000m.		400	400	
	CÁC CHỢ KHÁC						
2,185	Gồm: chợ Đầu Giồng (PH) chợ Tân Hiệp:chợ Ngọc Biên; chợ Leng(TS);chợ Xoài Lơ(LNA); chợ Xoài Xiêm (NX)				500	500	